



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
Địa chỉ: Khu 9, T1 Lũng Sơn - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Nghệ An
Điện thoại: +84 91 37 824 961 | Fax: +84 17 824 982
Email: info@lasuco.com.vn | Web: www.lasuco.com.vn

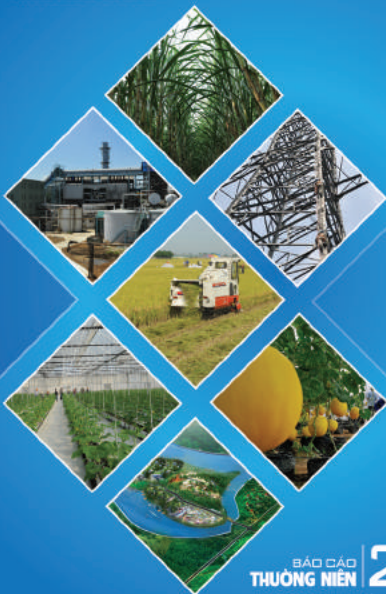
CHÍNH MẠI LASUCO (VIỆT NAM)
TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI KIỂM NHẬP KHẨU
Số 20/2 Đường Nguyễn Huệ - Quận 1 - Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 9 4 824 722 | Fax: +84 9 4 824 726
Email: lamsonvn@gmail.com | lamson@lasuco.vn

CHÍNH MẠI LASUCO (THAI LAN)
VĂN PHÒNG LASUCO - GIZEF (VIỆT NAM)
Số 2/4 Lê Lợi - Quận Hoàn Kiếm - Thành Phố Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: +84 24 710 738 238 | Fax: +84 24 710 738 236
Email: GIZEF@lasuco.vn

CHÍNH MẠI LASUCO (ĐỨC)
GIZEF - LASUCO OFFICE (GERMANY)
Düsseldorfer Güterverkehrszentrum (GVZ) - Bahnhofstraße 100
D-40225 Düsseldorf - Germany
Tel: +49 212 350 100 00 | Fax: +49 212 350 100 01



LAM SON GROUP



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2016

VÌ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

Website: lasuco.com.vn

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lam Sơn, ngày 10 tháng 10 năm 2016

Thư Quý Cổ đông!

Thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2015 - Niên độ tài chính 2015-2016 (từ 1/7/2016 – 20/6/2016), trong bối cảnh chúng gặp nhiều khó khăn của nền kinh tế thế giới trong xu hướng đi xuống, các xung đột, căng thẳng biển đảo, biến đổi khí hậu toàn cầu... ngành mía đường thế giới vào giai đoạn khủng hoảng thừa, giá cả biến động lớn... Trong nước: cơ chế chính sách vi mô, môi trường kinh doanh, thời tiết hạn hán, bão lũ, rét đậm kéo dài ảnh hưởng không nhỏ đến SXKD của các doanh nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp như LASUCO.

Dự báo được tình hình, khắc phục khó khăn, phát huy những thành tựu và kinh nghiệm cùng những thuận lợi, HĐQT đã kịp thời đề ra các chủ trương, giải pháp cụ thể, tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều hành và hệ thống quản lý cùng CNLĐ nỗ lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015 đã giao trong niên độ tài chính 2015-2016: Doanh số vượt 5,42% kế hoạch, tăng hơn năm trước 21,81%; Lợi nhuận sau thuế vượt 14,32% KH, tăng 39,52% so với năm trước; Cổ tức đạt 10%. Triển khai có hiệu quả các dự án: Lâm mới lại cây mía hạt đường Lam Sơn;

Chủ động đổi pho và khắc phục khó khăn hạn hán kéo dài từ tháng 4 đến tháng 7, ngập lụt lớn nhiều diện tích mía vào tháng 9/2017 kéo theo là sâu bệnh hại mía làm giảm sút năng suất và chất lượng mía. Rà soát quy hoạch lại vùng mía đường đến năm 2025 tầm nhìn 2030. Đổi mới hoàn thiện công nghệ sản xuất chế biến, nâng đường tinh luyện từ 50% lên 90% công suất (trong vụ 2015-2016 đạt 76,9%, tăng hơn vụ trước 20%), nâng công suất đóng phát điện lên 33,5 MW/h, điện bán lên lưới quốc gia tăng hơn 50% so với năm trước. Đặc biệt công tác thương mại được tập trung bằng nhiều giải pháp linh hoạt đổi mới, sáng tạo, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành vượt mức kế hoạch năm tài chính 2015 – 2016, mở ra triển vọng mới cho những năm tới.

Đảng chủ y là các dự án đầu tư đã được triển khai đúng tiến độ từng bước phát huy hiệu quả. Các sản phẩm mới từ nông nghiệp công nghệ cao: Dưa vàng, Gạo hữu cơ sạch, rau, hoa, quả NNCC... bước đầu chiếm lĩnh được uy tín, tin nhiệm của thị trường và người tiêu dùng trong tỉnh và Hà Nội cùng các tỉnh lân cận quan tâm. Đồng thời đang được các ngành, các cấp đánh giá cao, hỗ trợ đầu tư một số dự án khoa học NNCC... chuẩn bị cho bước phát triển cao trong giai đoạn phát triển mới. Quan hệ hợp tác liên kết các đối tác, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài được phát triển, chuẩn bị tạo điều kiện cho bước phát triển hội nhập những năm sau. Công tác xây dựng và phát triển nguồn nhân lực được chú trọng, năng lực, trình độ và tay nghề của đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân lao động được nâng cao. Tình hình tài chính lành mạnh, giá cổ phiếu tăng 1,5 lần cùng kỳ năm trước, tin nhiệm tín dụng ngày một tăng, tổng tài



sản và vốn chủ sở hữu được tăng thêm. Năng lực cạnh tranh hội nhập của doanh nghiệp được nâng lên một bước quan trọng.

Thư Quý Cổ đông!

Những kết quả đạt được trong niên độ tài chính 2015-2016 đã được thể hiện đầy đủ trong báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên lần này, một lần nữa khẳng định những định hướng, mục tiêu và các giải pháp của các chương trình dự án mà chúng ta đã và đang triển khai đều có tính khả thi cao, có ý nghĩa lớn, đã và đang tạo ra thế và lực mới để LASUCO vững vàng bước tiếp hội nhập phát triển trong những năm sắp tới. Tuy nhiên cũng còn không ít những khó khăn thách thức không nhỏ: Đắt đại cho sản xuất nguyên liệu mía vẫn trong tình trạng sản xuất nhỏ, manh mún; Năng suất, chất lượng chưa đạt mục tiêu; Cơ chế, môi trường kinh doanh của ngành mía đường thế giới và trong nước vẫn nhiều khó khăn, thách thức. Nhưng với quyết tâm đổi mới, sáng tạo mới, chắc chắn chúng ta sẽ vượt qua và dành thắng lợi các mục tiêu, kế hoạch niên độ 2016-2017 đã đề ra.

Thay mặt HĐQT, Ban TGD điều hành và đội ngũ cán bộ quản lý cùng tập thể những người lao động đã tận tụy cống hiến trí tuệ và công sức trong suốt hơn 1/3 thế kỷ qua, đóng góp xây dựng LASUCO vững mạnh như hôm nay. Rất mong được Đại hội đồng cổ đông và các nhà đầu tư đồng tâm hợp lực đưa Đại gia đình LASUCO tiếp tục phát triển lên tầm cao mới, trên bước đường hội nhập và phát triển.

Trân trọng./

Chủ tịch Hội đồng quản trị

LÊ VĂN TÂM
Anh hùng lao động

LỄ KỶ NIỆM

35

NĂM XÂY DỰNG & PHÁT TRIỂN CÔNG TY 20 NĂM THÀNH LẬP HIỆP HỘI MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Lam Sơn, tháng 12 năm 2016



01

THÔNG TIN CHUNG

- 1.1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT
- 1.2. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ
- 1.3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY



THÔNG TIN TỔNG QUÁT

TÊN CÔNG TY

- **Tên tiếng Việt:** Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- **Tên tiếng Anh:** Lam Sơn sugar cane Joint Stock Corporation
- **Tên giao dịch:** CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
- **Tên viết tắt:** LASUCO
- **Mã giao dịch:** LSS
- **Vốn điều lệ:** 700.000.000.000 đồng.
- **Vốn Chủ sở hữu:** 1.600.537.403.158 đồng.

Ngày thành lập: Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn thành lập ngày 06 tháng 12 năm 1999 do Thủ tướng chính phủ quyết định chuyển đổi từ Công ty đường Lam Sơn. Tiền thân là Nhà máy đường Lam Sơn được thành lập ngày 31/03/1980.

Công ty là công ty có phần tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Giấy CNĐKKD: 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/12/1999, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 23/12/2014; thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 31/12/2015

Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN LẠC

- Trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá
- Điện thoại: 0373.8.996.667
- Fax: 0373.834.092
- E-mail: lasuco@hn.vnn.vn
- Website: www.lasuco.vn, www.lasuco.com.vn

Biểu tượng của Công ty:



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn, tiền thân là Nhà máy đường Lam Sơn. Ngày 12 tháng 01 năm 1980: Thủ tướng Chính Phủ ký quyết định số 24/TTg phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng Nhà máy đường Lam Sơn. Công suất 1.500 tấn mía/ngày, thiết bị và công nghệ của hãng FCB Cộng hòa Pháp cung cấp. Nhằm khai thác tiềm năng đất đai, phù xanh đất trồng đối trực và lực lượng lao động ở khu vực miền Tây Thanh Hóa, giải quyết tình trạng thiếu đường trong cả nước. Địa điểm xây dựng tại xã Thọ Xương (nay là Thị trấn Lam Sơn), huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

THỜI KỲ XÂY DỰNG NHÀ MÁY (1980 - 1989)

Ngày 12/01/1980:

Nhà máy được xây dựng theo quyết định số 24/TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng Nhà máy đường Lam Sơn với Công suất 1.500 tấn mía/ngày, thiết bị và công nghệ của hãng FCB Cộng hòa Pháp; thời gian xây dựng kéo dài hơn 5 năm.

NĂM 1980

Ngày 28/04/1984:

Bộ Trưởng Bộ Công nghệ Thực phẩm (nay là Bộ NN & PTNT) ký quyết định số 24/CNTP-TCCB thành lập Nhà máy Đường Lam Sơn.

NĂM 1984

Ngày 02/11/1986

Nhà máy đi vào sản xuất vụ đầu tiên, đây là thời kỳ bắt đầu công cuộc đổi mới. Nhà máy thiếu vốn, nguyên liệu không đủ 5% công suất, hơn 600 công nhân không có việc làm, nhà máy đứng bên bờ vực phá sản, đã nhiều lần bàn tới việc phá dỡ chuyển đi nơi khác.

NĂM 1986

THỜI KỲ ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN (1990 - 1999)

Đây là thời kỳ mười năm sáng tạo đổi mới từ Nhà máy phát triển thành Công ty. Nhà máy đã phát huy nội lực, tranh thủ sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, sự hỗ trợ hợp tác của các nhà khoa học, đặc biệt là bắt đầu từ việc xác định gắn bó với dân, dựa vào dân, giúp nông dân giải quyết 3 cái khó, 3 cái thiếu là vốn, kỹ thuật, thị trường, vùng nguyên liệu được phát triển bền vững. Hiệp hội mía đường Lam Sơn, một mô hình kinh tế hợp tác mới liên kết giữa nông nghiệp gắn với công nghiệp, liên kết các thành phần kinh tế, tạo ra một mô hình liên minh Công - Nông - Trí thức, làm sống dậy cả một vùng đất trồng đối trực hoang hoá, hình thành một vùng mía rộng, xanh tươi trù phú trên phạm vi 97 xã, 4 nông trường thuộc 9

huyện phía Tây Bắc tỉnh Thanh Hoá. Sản xuất kinh doanh phát triển, tăng trưởng nhanh, đời sống vật chất, văn hoá xã hội của nông dân, công nhân được cải thiện và ngày càng nâng cao, bộ mặt nông nghiệp, nông thôn vùng Lam Sơn được đổi mới. Công ty trở thành mô hình tiêu biểu về liên minh Công - Nông. Năm 1999 Công ty và Tổng giám đốc Lê Văn Tâm (nay là Chủ tịch HĐQT) được Nhà nước phong tặng danh hiệu "**Đom vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới**".

Tháng 10/1995

Thành lập Hiệp hội Mía đường Lam Sơn trong đó Công ty Đường Lam Sơn giữ vai trò thành viên sáng lập. Hiệp hội là đầu mối giữa Doanh nghiệp - Nông dân - Trí thức, nơi giữ gìn lòng tin của bà con nông dân để hỗ trợ, thúc đẩy các chương trình trồng trọt, nhân giống, mở rộng vùng nguyên liệu mía cho nhà máy.

NĂM 1995

Ngày 21/10/1996

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư Dự án Nhà máy đường Số II theo quyết định số 775/TTg với tổng mức đầu tư 451.098 tỷ đồng. Vụ 1998 - 1999 dự án đã đi vào hoạt động đưa năng lực sản xuất của Công ty lên 6.500 TMN, gấp 2,6 lần trước đầu tư.

NĂM 1996

THỜI KỲ SAU CỔ PHẦN HÓA (2000 ĐẾN NAY)

Ngày 06/12/1999: Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển Công ty đường Lam Sơn thành Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn từ ngày 01/01/2000, vốn điều lệ ban đầu: 186 tỷ đồng, đặc biệt là nông dân trồng mía cũng được mua cổ phần (22,5%), đây là lần đầu tiên ở nước ta người nông dân tham gia làm chủ doanh nghiệp. Hơn 8 năm qua sản xuất kinh doanh của công ty liên tục tăng trưởng với tốc độ cao, bình quân tăng từ 18-20% năm, lợi nhuận, nộp ngân sách, thu nhập của người lao động, có tốc độ tăng, vượt các mục tiêu đề ra.

NĂM 2000

Các Nhà máy đường, Nhà máy con được đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại, ngành nghề kinh doanh được mở rộng. Thương hiệu LASUCO được vang xa và in đậm trên thương trường trong và ngoài nước, được Nhà nước khen tặng nhiều danh hiệu thi đua cao quý và các giải thưởng lớn của quốc gia, quốc tế.

Trụ sở chính tại Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, Cảnh đường Hồ Chí Minh,

- Cách Hà Nội 170Km;
- Cách Thành phố Thanh Hóa 40Km
- Cách Cảng biển Nghi Sơn 70Km
- Cách Cảng hàng không Thọ Xuân 6Km.

NĂM 2008

Ngày 09/01/2008:

Công ty đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là LSS. Vốn điều lệ 300 tỷ đồng, Tổng tài sản trên 1.200 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu gần 800 tỷ đồng.

NĂM 2012

Ngày 08/03/2012

Công ty hoàn thành đầu tư xây dựng Dự án nâng công suất Nhà máy đường số 2 từ 4.000 TMN lên 8.000 TMN với công nghệ tiên tiến gắn với Nhà máy điện 12,5MW, đưa tổng công suất toàn Công ty lên 10.500 TMN.

NĂM 2013

Ngày 30/09/2013

Triển khai Dự án "Đầu tư XD Khu nông nghiệp CNC Lam Sơn"
Tổng mức đầu tư của Dự án là 135 tỷ đồng. Nguồn vốn của dự án đúng từ vốn tự có của Lasuco được trích lập từ quỹ phát triển khoa học công nghệ hàng năm theo quy định.

Mục tiêu của Dự án là: Quy hoạch và Xây dựng một Khu Nông nghiệp CNC Lam Sơn cấp khu vực; đăng cấp Quốc gia trên cơ sở hình thành Trung tâm Nông nghiệp CNC Bắc Miền Trung, nhằm mục đích nghiên cứu và chuyển giao nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp trong lĩnh vực giống mía, và cây lương thực, cây thực phẩm: rau củ quả, hoa. Thúc đẩy phát triển nông nghiệp nông thôn hướng nhanh tới công nghiệp hóa, đáp ứng mục tiêu dài hạn trong việc nghiên cứu và sản xuất các giống mía có năng suất cao, chất lượng tốt và giống cây trồng mới. Áp dụng các quy trình công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất nông nghiệp, tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

NĂM 2014

Tháng 09/2014:

LASUCO chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ lên 700 tỷ đồng.

NĂM 2015

Năm 2015:

Nghiên cứu và đang tiếp tục triển khai các Dự án trọng điểm, phục vụ định hướng phát triển lâu dài của Công ty trong giai đoạn mới: Dự án Lúa-gạo hữu cơ; Dự án trồng và chế biến Tre luồng gắn với công viên sinh thái...

Ngày 08 tháng 12 năm 2015:

Công ty long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 35 năm ngày thành lập, đánh dấu sự phát triển vượt bậc, nâng cao tầm vóc và vị thế của tập đoàn lên một tầm cao mới, sức mạnh trong thời kỳ đổi mới.

Ngày 23-25 tháng 01 năm 2015:

Công ty tổ chức hội chợ Xuân Lam Sơn, đồng thời khánh thành Trung tâm nghiên cứu và phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao; khẳng định vai trò và giới thiệu các sản phẩm Nông nghiệp Công nghệ cao, sản phẩm Lúa gạo, tre luồng là những hướng đi mới, đóng góp phần quan trọng trong cơ cấu sản phẩm, trách nhiệm xã hội trong định hướng phát triển của Lasuco.

Ngày 3 tháng 08 năm 2015:

Công ty chuyển đổi năm tài chính từ 1/1 đến 31/12 hàng năm sang năm tài chính. Từ 1/7 năm trước đến 30/6 năm sau.

NĂM 2016

Ngày 01/07/2016:

Chính thức chuyển đổi mô hình, đưa Công ty TNHH Trung tâm nghiên cứu và phát triển Nông nghiệp CNC Lam Sơn hoạt động độc lập; đánh dấu bước chuyển biến mới, bám sát và thực hiện thành công mục tiêu ban đầu: Áp dụng tiến bộ Khoa học kỹ thuật trong sản xuất các loại cây ăn quả, cam, rau, củ, hoa có giá trị cao; sản xuất, nhân rộng các giống mía NCM khỏe, sạch bệnh... và các giống cây trồng mới.

SỨ MỆNH - TẦM NHÌN - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển LASUCO trở thành một tập đoàn Công nông nghiệp, thương mại và dịch vụ có tầm cỡ quốc gia, vươn ra thế giới, hội nhập phát triển.

SỨ MỆNH

- Liên kết hợp tác, ứng dụng công nghệ tiên tiến "Phát triển bền vững vì cộng đồng" mang lại lợi ích cho Cổ đông, Nhà đầu tư, Người trồng lúa, Người lao động, bảo đảm giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích, có tinh thần trách nhiệm cao với cộng đồng, xã hội và môi trường.
- Xây dựng, phát triển và tôn vinh Thương hiệu Lasuco thành một thương hiệu mạnh, uy tín trong nước và quốc tế.
- Tạo ra một lực lượng lao động trí thức trẻ năng động, đổi mới, sáng tạo có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có tâm, có tầm để xây dựng doanh nghiệp ngày càng giàu mạnh và phát triển cùng với nông dân và giúp nông dân làm giàu.
- Phát huy truyền thống trách nhiệm với Xã hội và trách nhiệm công dân đối với đất nước.
- Vì chất lượng cuộc sống con người.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Hiệu quả chất lượng, tín nhiệm: Là mục tiêu hàng đầu, luôn giữ chữ tín trong mọi cam kết, lấy thước đo hiệu quả trong mọi công việc.
- Trách nhiệm - thân thiện - bền vững: Giữ trách nhiệm đến cùng, luôn tạo quan hệ thân thiện nhân văn, xây dựng bền vững các mối quan hệ trên cơ sở cùng có lợi.
- Sáng tạo - đổi mới - năng động: Là động lực quan trọng đổi mới Lasuco, là thước đo hiệu quả trong lao động cống hiến của mỗi thành viên Lasuco.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính:

Công nghiệp sản xuất lúa đường, điện; Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao: Rau, Hoa, quả cao cấp; Sản xuất lúa gạo hữu cơ, Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh khác:

- Công nghiệp nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thực ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu.
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm nông sản, thực phẩm, kinh doanh thương mại, khách sạn, ăn uống, xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

Mục tiêu của Công ty

Xây dựng và phát triển LASUCO thành DOANH NGHIỆP XANH bền vững, sản xuất chế biến Nông sản thực phẩm sạch đáp ứng nhu cầu trong nước và hội nhập quốc tế. Mang lại lợi ích cho cổ đông, nhà đầu tư, người trồng lúa và người lao động, giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích. Có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và môi trường.

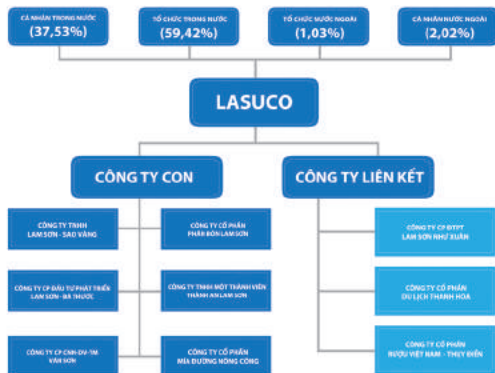
Phạm vi kinh doanh và hoạt động

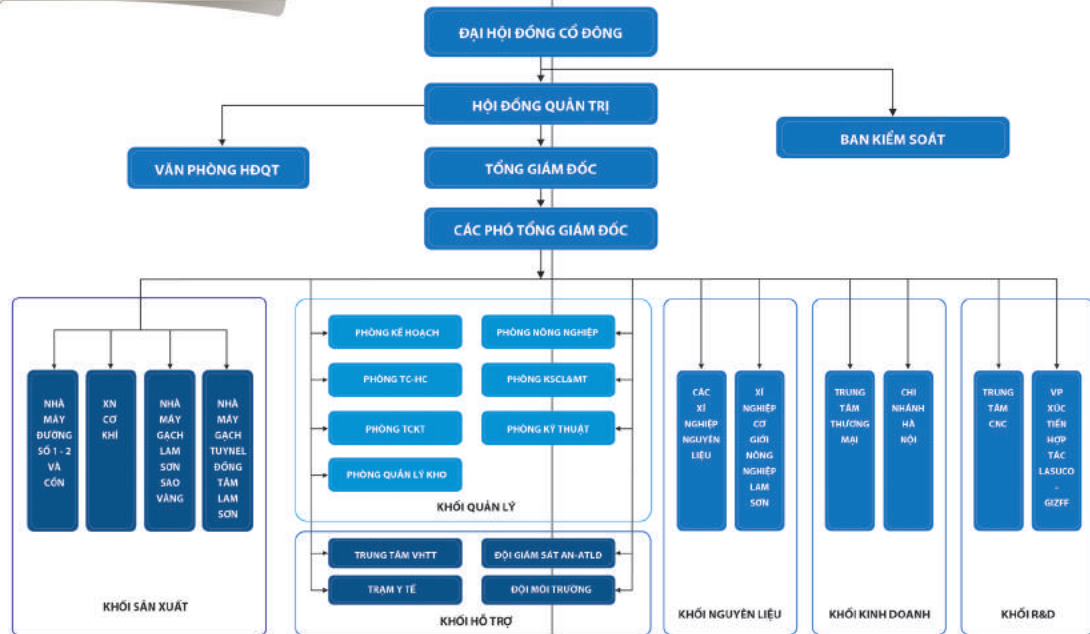
Tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Địa bàn kinh doanh: Xây dựng và phát triển hệ thống thị trường trong nước, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, triển khai có hiệu quả chương trình xuất khẩu và nhập khẩu.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ





QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông LÊ VĂN TAM - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Lê Văn Tam - Chủ tịch HĐQT - Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

Ngày sinh: 10/11/1937

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- Từ 10/1971 - 6/1975: Công tác tại Phòng Kế hoạch - Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 7/1975 - 01/1977: Phó Phòng Kế hoạch - Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 02/1977 - 6/1978: Trưởng Phòng Kế hoạch - Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 7/1978 - 06/1986: Phó giám đốc Sở Nông nghiệp Thanh Hóa.
- Từ 07/1982 - 10/1988: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp, kiêm trưởng ban quản lý xây dựng vùng mía Thanh Hoá.
- Từ 11/1988 - 06/1992: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty mía đường I, Phó Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Nhà máy đường Lam Sơn.
- Từ 07/1992 - 12/1999: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty mía đường I, Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Phó bí thư, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Đường Lam Sơn.
- Từ năm 2000 - 2007: Chủ tịch Hiệp hội Mía Đường Việt Nam.
- Từ năm 2000 - 04/2011: Chủ tịch Hiệp hội Mía Đường Lam Sơn, Phó bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
- Từ 05/2011 đến nay: Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Đại biểu Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam khóa IX (1992-1997) và khóa X (1997-2002)



**Bà LÊ THỊ TIẾN
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HĐQT**

Ngày sinh: 11/10/1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác

- Tháng 12/1989: Tốt nghiệp ĐH về công tác tại Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 12/1989 - 8/1995: Nhân viên phòng TCKT - Công ty đường Lam Sơn.
- 8/1995 - 8/2001: Phó Phòng tài chính kế toán - Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 08/2001 - 07/2006: Kế toán trưởng Công ty, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, thành viên Hội đồng quản trị khóa II - Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 07/2006 - 04/2011: Trưởng Ban kiểm soát Công ty.
- Từ 5/2011 đến nay: Phó bí thư, Bí thư đảng ủy công ty, Phó Chủ tịch thường trực HĐQT



**Ông PHÙNG THANH HẢI
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ngày tháng năm sinh: 22/11/1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

- Từ tháng 10/1986 - 6/1996: Nhân viên phòng kế toán - Công ty đường Lam Sơn
- Từ tháng 7/1996 đến nay: Kế toán trưởng - Hiệp hội mía đường Lam Sơn
- Từ tháng 7/2003 đến tháng 4/2011: Kiểm soát viên - Ban kiểm soát Công ty CPMD Lam Sơn nhiệm kỳ II và III
- Từ tháng 7/2013 đến nay là Bí thư Chi bộ VP thường trực - Hiệp hội MD Lam Sơn
- Từ tháng 6/2014: Thành viên HĐQT - Phó Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông LÊ TRỌNG BÀI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày tháng năm sinh: 22/12/1951
Trình độ chuyên môn: Tiến Sĩ toán tin

Quá trình công tác

Từ 1974-1986: Công tác tại Tổng Cục thống kê Trung Ương
Từ 1987-1992: Nghiên cứu sinh Trường Đại học TU Dresden, Cộng hòa Liên Bang Đức
Từ 1992-2000: Thực tập sinh và làm việc tại một số doanh nghiệp ở Đức
Từ tháng 7/2001 - 9/2003: Tổng giám đốc, chủ tịch HĐQT Công ty CP IT-JSC,
Từ 2003-2013: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Việt Hưng
Từ 1/12/2013 - 1/7/2016: là Giám đốc Văn phòng xúc tiến hợp tác LASUCO-GIZEF tại Thành phố Thanh Hóa
Từ 28/4/2014 đến nay: Thành viên HĐQT công ty CP mía đường Lam Sơn



Ông LÊ ĐÌNH TRƯỜNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày tháng năm sinh: 31/3/1980
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, ngành Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác

Từ 07/2004 đến 07/2009: Kế toán viên - Phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn
Từ 08/2009 đến 04/2011: Quyền Trưởng bộ phận chứng khoán - Sàn giao dịch FPT chi nhánh Thanh Hóa.
Từ tháng 4/2011 đến 12/2012: Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT Công ty CP Rượu Việt Nam -Thụy Điển
Tháng 1/2013 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Rượu Việt Nam -Thụy Điển
Từ 28/4/2014 đến nay: Thành viên HĐQT công ty CP mía đường Lam Sơn



Ông LÊ VĂN QUANG TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh: 02/06/1979
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- **Từ 2001 - 07/2006:** Kế toán viên Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- **Từ 07/2006 -4/2011:** Kiểm soát viên Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- **Từ tháng 1/2016 đến nay:** Trưởng Ban kiểm soát công ty CP mía đường Nông Công
- **Từ 5/2011 đến nay:** Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP mía đường Lam Sơn



Ông ĐỖ VĂN MẠNH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh: 03/09/1959
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- **Từ 5/1978 - 5/1982:** Tham gia quân đội Sư đoàn 325, quân đoàn II.
- **Từ 1982 -1989:** Cán bộ Phòng vật tư Nhà máy đường Lam Sơn
- **Từ 1990 - 12/1999:** Kế toán viên Công ty Đường Lam Sơn.
- **Từ 1/2000 đến nay:** Thành viên Ban kiểm soát của Công ty CP mía đường Lam Sơn.



Bà LÊ THỊ HIỀN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh: 26/03/1970
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- **Từ 02/1992 - 10/1996:** Thống kê, kế toán của Đoàn vận tải Công ty.
- **Từ 10/1996 - 08/2006:** Trưởng bộ phận kế toán của Nhà máy Cồn số I.
- **Từ 08/2006 -11/2007:** Trưởng bộ phận kế toán Nhà máy Đường số II.
- **Từ 11/2007 -4/2011:** Cán bộ Phòng TCKT.
- **Từ 5/2011 đến nay:** Thành viên Ban kiểm soát của Công ty CP mía đường Lam Sơn.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông LÊ VĂN PHƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 05/11/1977
Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Từ 01/1999 đến 01/2005: Nhân viên Phòng kiểm soát chất lượng và môi trường.
Từ 02/2005 đến 10/2007: Nhân viên Phòng công nghệ thông tin.
Từ 11/2007 đến 07/2008: Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường;
Từ 08/2008 đến 08/2009: Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường kiêm Trưởng phòng công nghệ thông tin.
Từ 09/2009 đến 05/2014: Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường.
Từ 19/06/2014 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty, phó Bí thư đảng ủy công ty CP mía đường Lam Sơn.



Ông LÊ TRUNG THÀNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH THƯƠNG MẠI

Sinh ngày: 10/05/1965
Trình độ học vấn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ 1993-2003: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Công ty CP mía đường Lam Sơn.
Từ 2003- 2004: Học tại Học Viện Chính trị Quốc gia HCM
Từ 2004-2006: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Mía đường Lam Sơn
Từ 2007-2012: Giám đốc Công ty TM - Du Lịch Lam Sơn
Từ 2013 đến 01/2016: Giám đốc Trung Tâm Thương mại Lam Sơn - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn; Phó Chủ tịch Ban đại diện Quý Đầu tư các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương Mại Lam Hà.
Từ 01/2016 đến nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách Thương mại, giám đốc Trung tâm Thương mại. Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần mía đường Nông công



Ông NGUYỄN DUY THÀNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC SẢN XUẤT

Ngày sinh: 01/05/1968
Trình độ: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

Từ 10/1992 đến 09/1994: Công ty thuốc lá Thanh Hoá.
Từ 10/1994 đến 08/2000: Kỹ sư cơ khí, Công ty đường Lam Sơn
Từ 09/2000 đến 07/2006: Kỹ sư cơ khí, phó giám đốc Nhà máy đường số 1, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 08/2006 đến 04/2011: Kỹ sư cơ khí, Giám đốc Nhà máy đường số 1, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 05/2011 đến 04/2014: Ban dự án nâng cấp Nhà máy đường 2, Phụ trách bộ phận cơ khí, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 05/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn



Ông LÊ BÁ CHIÊU
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 10/04/1976
Trình độ: Kỹ Sư Nông Nghiệp

Quá trình công tác:

Từ 12/10/1998-24/8/2001: Nhân viên Phòng Nguyên liệu.
Từ 25/8/2001-16/9/2003: Nhân viên kế toán - Xi nghiệp sản phẩm mới.
Từ 24/12/2003- 15/5/2009: Nhân viên phòng Kế hoạch đầu tư.
Từ 16/5/2009- 21/11/2009: Cán bộ trưởng Cao đẳng nghề Lam Kinh
Từ 22/11/2009- 28/2/2011: Phó phòng Nguyên liệu - Công ty CP mía đường Lam Sơn.
Từ 1/3/2011 - 29/5/2014 : Giám đốc Công ty CPĐTPT Lam Sơn - Bả Thước.
Từ 30/5/2014-04/2016: Phó tổng giám đốc phụ trách Nguyên liệu - Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
Từ tháng 04/2016-nay: Phó Tổng giám đốc kiêm giám đốc Công ty TNHH Trung tâm nghiên cứu và phát triển Nông nghiệp CNC Lam Sơn.



Ông NGUYỄN VĂN LÂM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC DỰ ÁN

Sinh ngày: 14/10/1960
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 11/11/1997 làm việc tại Phòng kế hoạch, Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 11/2003 đến 07/2006: Phó Trưởng phòng kế hoạch.
- Tháng 08/2006: Thư ký Công ty.
- Tháng 09/2006 đến tháng 09/2014: Trưởng phòng kế hoạch.
- Từ tháng 10/2014 đến 01/2016: Trợ lý Hội đồng Quản trị.
- Từ 01/2016 đến nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách Dự án



Bà LÊ THỊ HUỆ
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm sinh: 28/8/1971
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị KD

Quá trình công tác:

- Từ 11/1993 - 9/2003: Nhân viên phòng TCKT Cty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 10/2003 - 7/2006: Phó phòng TCKT Công ty.
- Từ 8/2006 đến nay: Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT Công ty

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Ngày 28/01/2016, Hội đồng quản trị đã có quyết định:

- Quyết định số 75 QĐ/DLS-HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Lâm làm Phó Tổng giám đốc phụ trách Dự án.
- Quyết định số 76 QĐ/DLS-HĐQT bổ nhiệm ông Lê Trung Thành làm Phó Tổng giám đốc phụ trách Thương mại, kiểm soát đóc Trung tâm Thương mại Lam Sơn.

SỐ LƯỢNG CBCNV.

TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng và độ tuổi lao động

Tại thời điểm 30/05/2016, Công ty có 826 cán bộ công nhân viên, tăng 13% trên tổng số lao động so với năm 2015. Nguyên nhân là do Công ty mở rộng quy mô, các ngành nghề: Sản xuất gạch, Sản xuất Rau, củ, quả, hoa công nghệ cao; sản xuất Lua gạo hữu cơ... Trong năm Công ty tiếp tục thực hiện chương trình tái cấu trúc tinh giản lao động đã giải quyết chế độ nghỉ hưu cho lao động đủ điều kiện.

Về cơ cấu độ tuổi lao động: Lao động có độ tuổi dưới 30 chiếm 18,3%; lao động từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi chiếm 43,4 %, lao động từ 41 đến dưới 50 tuổi chiếm 32,5%, lao động từ 50 tuổi trở lên chiếm 5,7 %;

Chất lượng lao động

Lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm 28% tổng số lao động; cao đẳng chiếm 10 %, Trung cấp và CNKT chiếm 57 %, lao động có trình độ sơ cấp và lao động phổ thông chiếm 5 %.

Công ty bảo đảm môi trường làm việc tốt cho người lao động như:

- Bảo đảm đủ ánh sáng, không khí, điều kiện vệ sinh nơi làm việc, đảm bảo chế độ an toàn lao động, vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ.
- Đảm bảo chăm sóc y tế ban đầu cho người lao động, thực hiện tốt chế độ thai sản đối với người lao động nữ. Thực hiện quyền bình đẳng nam nữ trong mọi lĩnh vực. Người lao động được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
- Công ty luôn chú trọng cải tiến, đổi mới trang bị, nâng cấp nhà xưởng... để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Người lao động được đào tạo, được nâng cao tay nghề thích hợp với vị trí chức danh công việc.
- Người lao động được bảo đảm mọi quyền lợi quy định trong Pháp luật Lao động, Luật BHXH, Luật BHYT của nước CNXHVN Việt Nam.

Chính sách cho người lao động.

Năm tài chính 2015-2016, chính sách sử dụng lao động tiếp tục có nhiều thay đổi như: Hạn chế tối đa việc tuyển mới lao động dài hạn; tiếp tục sử dụng lao động đã nghỉ hưu có sức khỏe, tay nghề cao trong vụ sản xuất và sử dụng lao động thời vụ nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng lao động trong hoạt động SXKD của công ty.

Cán bộ quản lý, nghiệp vụ được điều động, luân chuyển thực hiện nhiệm vụ tại Các công ty con, công ty thành viên để tăng cường sự quản lý với các đơn vị.

Về chế độ tiền lương , Công ty thực hiện tốt việc đánh giá kết quả công việc của từng người lao động và thanh toán lương theo tháng. Qua việc thay đổi chính sách thanh toán tiền lương đã khuyến khích người lao động từng bước làm chủ trong công việc để hoàn thành nhiệm vụ.

Công ty luôn quan tâm đào tạo nâng cao trình độ: Các đơn vị thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nội bộ nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động; Trước khi vào vụ sản xuất mới Công ty tổ chức các lớp tập huấn về An toàn lao động, An toàn thực phẩm;

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Phát huy truyền thống đơn vị Anh Hùng lao động trong thời kỳ đổi mới. Chủ động đổi mới liên kết hợp tác ứng dụng công nghệ cao, nâng cao sức cạnh tranh. Hội nhập ngành Mía đường - Điện - Các sản phẩm sau đường - Sản phẩm Nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ cao; xây dựng và phát triển sản xuất theo quy mô tập trung, cơ giới hóa đồng bộ theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển chuỗi giá trị nông, công nghiệp bền vững, xây dựng một số sản phẩm chủ lực mang thương hiệu Xứ Thanh, nâng cao đời sống và việc làm cho người lao động, đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích, thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP

1. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

Phân đầu tổng doanh thu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên đến năm 2020 đạt trên 6.000 tỷ đồng. Trong đó Công ty mẹ: trên 5.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ đồng, nộp ngân sách trên 250 tỷ đồng, và thu nhập của CBCN tăng từ 10 - 20%/năm, vốn điều lệ 1.500 tỷ đồng, cổ tức 15%, tỷ suất lợi nhuận của nông dân 40%, năng suất đường đạt 12 tấn/ha mía.

2. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

2.1. Tập trung triển khai 5 Chương trình trọng tâm:

(1) Chương trình Mía Đường

Về nguyên liệu mía: Tập trung cao xây dựng và phát triển bền vững vùng nguyên liệu thực hiện đồng bộ các giải pháp lớn trong chương trình "Làm mới lại cây mía và hạt đường Lam Sơn" với các kế hoạch cụ thể theo hướng tập trung, xây dựng cánh đồng lớn, cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng công nghệ cao để đạt năng suất mía phẩm canh từ 100 tấn/ha trở lên, chất lượng 11 - 12 CCS, đảm bảo ổn định nguyên liệu, nhiên liệu cho các Nhà máy sản xuất.

Về công nghiệp chế biến: Khai thác có hiệu quả hệ thống thiết bị và công nghệ đã đầu tư và nâng cao công suất đồng phát điện, mục tiêu đến năm 2020 đạt 200.000 tấn đường, phát điện bán lên lưới 100 triệu KWh.

(2) Chương trình rau, củ quả, nông nghiệp CNC

Vận hành có hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH Trung tâm NC&PT Nông nghiệp CNC Lam Sơn (Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ), thực hiện thành công chiến lược sản xuất giống chất lượng cao, sạch bệnh, quy mô công nghiệp cung cấp cho vùng mía đường Lam Sơn và các vùng miền trong nước; nhân giống và sản xuất rau, hoa, quả chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn cung cấp cho thị trường; là đầu mối chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp sạch, gắn với thu mua sản phẩm, bảo quản, chế biến cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Mục tiêu đến năm 2020 đạt 70.000 tấn giống các loại và đạt 50.000 tấn sản phẩm rau, quả, tỷ trọng doanh thu từ nông nghiệp công nghệ cao 20 - 25%.

(3) Chương trình Cam vàng xứ Thanh: Xây dựng và phát triển vùng Cam Vàng chất lượng cao; đến năm 2020 đạt 5.000 ha, sản lượng 150.000 tấn. Nghiên cứu triển khai xây dựng nhà máy công nghiệp chế biến rau quả, thực phẩm, đồ uống.

(4). Chương trình lúa gạo Hữu cơ

Phát triển vùng trồng lúa ứng dụng phương pháp hữu cơ, giảm phát khí thải nhà kính, thân thiện môi trường. Đến năm 2020 đạt diện tích 10.000 ha, tập trung tại các huyện vùng đồng bằng của tỉnh Thanh Hóa. Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, chế biến lúa gạo công suất 100.000 tấn sản phẩm/năm.

(5) Chương trình tre luồng với hai dự án là: Công viên sinh thái tre luồng và Nhà máy sản xuất tre ép khối công nghiệp.

Đầu tư ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến tre luồng tại các huyện phía Tây Tỉnh Thanh Hóa theo hướng bền vững và phát triển xanh gắn với cơ sở chế biến tre luồng xuất khẩu. Đầu tư DA tre ép khối năm 2018 đưa vào sản xuất với công suất 30.000 m³/năm, đến năm 2020 đạt 50-60 nghìn m³ và năm 2025 đạt 100.000 m³.

2.2. Các giải pháp chủ yếu

* Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng, trí tuệ cao, gắn bó với Công ty, đảm bảo trình độ chuyên môn, hiểu biết ngoại ngữ, say mê và gắn bó với doanh nghiệp... dù điều kiện để vừa giữ gìn phát huy thương hiệu ngành cốt lõi hiện nay vừa tiếp cận và triển khai các dự án mới giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2025.

* Đổi mới phương thức sản xuất từ nhỏ, lẻ, manh mún, phân tán, thủ công sang phương thức sản xuất cánh đồng mẫu lớn, quy mô tập trung, hiện đại và cơ giới hóa đồng bộ. Đây là giải pháp cấp bách và cơ bản đầu tiên để tạo bước đột phá cho sản xuất hàng hóa phát triển.



* **Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ cao vào sản xuất;** phát triển nâng cao chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững từ khâu nguyên liệu tổ chức sản xuất, chế biến bảo quản sản phẩm gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp- phát triển bền vững.

* Liên kết, hợp tác ngang - dọc với địa phương, nông dân, các nhà khoa học, Viện khoa học và các doanh nghiệp từ sản xuất, chế biến bảo quản sản phẩm đến tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Trong đó vai trò của doanh nghiệp là trung tâm, đầu mối triển khai các chương trình hợp tác, liên kết.

* **Đầu tư xây dựng thương hiệu quốc gia cho các sản phẩm chủ lực, khôi phục và phát triển hệ thống thương mại nội địa và chuẩn bị các điều kiện cho xuất nhập khẩu**

Đầu tư cho khâu thương mại thị trường, xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự, coi trọng phát huy quan hệ hợp tác quốc tế. Đảm bảo hàng năm nhập khẩu đủ nguyên liệu để tiến luyện, đồng thời từng bước nâng dần tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.

• **Giải pháp về tài chính**

Rà soát toàn bộ các nguồn lực tài chính của Lasuco và các đơn vị thành viên, phát huy hiệu quả các dự án đã đầu tư, khấu hao nhanh TSCĐ thu hồi vốn; giới thiệu quảng bá các chương trình dự án và kế hoạch chiến lược phát triển của Lasuco với nhà đầu tư, nâng cao giá trị doanh nghiệp, có chương trình kế hoạch huy động vốn từ các nhà đầu tư đảm bảo các dự án có tối thiểu 60% vốn Chủ sở hữu và huy động (bằng cổ phiếu hoặc trái phiếu); Nguồn vốn vay tín dụng không quá 40% tổng mức đầu tư. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước và tận dụng tối đa, bám sát các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho đầu tư.

CÁC RỦI RO

1. RỦI RO VỀ NGUYÊN LIỆU VÀ VÙNG NGUYÊN LIỆU:

- Rủi ro về thời tiết, khí hậu: biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, nhiệt độ tăng dần, hạn hán, lũ lụt phức tạp và xảy ra mỗi cường độ ngày càng tăng ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất, chất lượng mía. Đối với Lasuco vùng mía vẫn chiếm 70% đất đai nên nếu hạn hán rủi ro thiệt hại không nhỏ.

- Rủi ro về chính sách của nhà nước về đất đai làm thu hẹp diện tích vùng nguyên liệu mía; các dự án mới của Lasuco đã và đang triển khai cũng gắn với đất đai, yếu tố quyết định nguyên liệu vì vậy rủi ro chính sách đất đai là rất lớn.

- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ngày càng tăng đang gây nhiều rủi ro khó lường với sản xuất nông nghiệp.

2. RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG:

Giá xăng dầu giảm thấp và còn phức tạp, sản xuất etanol từ mía không hấp dẫn, sẽ sản xuất đường nhiều hơn, rủi ro cung tăng, giá cả sẽ giảm. Mặc dù dự báo cho mùa vụ này mất mùa mía, hạn hán, lũ lụt và dân số thế giới vẫn tăng trưởng nhưng sức mua giảm nên vẫn rủi ro giá đường giảm.

3. RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT:

Hệ thống pháp luật Việt Nam đang tiếp tục thay đổi mạnh mẽ, có ưu điểm là hướng tới phù hợp với pháp luật quốc tế và các hiệp định về kinh tế như WTO, AFTA, FTA, TPP, ASEAN,...nhưng tính minh bạch còn hạn chế. Hơn nữa, liên tục thay đổi và nhiều văn bản nên khó áp dụng và rủi ro là không nhỏ đối với DN đặc biệt những doanh nghiệp lớn.

4. RỦI RO VỀ NGUỒN NHÂN LỰC:

Đối với vùng nguyên liệu của Lasuco chủ yếu mía đối, và còn nhỏ lẻ, việc áp dụng cơ giới hóa đồng bộ cho toàn vùng miakhông thể làm ngay. Ngay cơ thiếu nhân công là rất lớn và chi phí nhân công sẽ tăng. Mặc dù Công ty đã có kế hoạch đưa mía xuống đất thấp nhưng phải triển khai dần trong nhiều năm. Bên cạnh đó nguồn nhân lực của Lasuco để đáp ứng cho các chương trình dự án mới đang là thách thức do đây là ngành mới, yêu cầu cao là điều kiện tiên quyết để đảm bảo triển khai các dự án thành công.

5. RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH:

Tỷ giá USD/VND có thể tăng, ảnh hưởng đến các dự án mới triển khai vì hầu hết thiết bị và công nghệ đều nhập khẩu, sẽ tăng giá trị công trình và nguồn vốn đầu tư.



CÔNG TY CP MISA ĐƯỜNG LẠM SƠN

Lam Sao Trading Firm 8/2016



YK KUC SIEN THUAN NGUYEN - HO SI

LỄ KHÁNH THÀNH
TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ MISA ĐƯỜNG LẠM SƠN

KHAI GIẢNG HỘI CHỢ XÃN LAM SƠN 2016



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

02

- 2.1. NHỮNG ĐIỂM NHẤN TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2015 - 2016
- 2.2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG - SXKD
- 2.3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
- 2.4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 2.5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

NHỮNG ĐIỂM NHẤN NẴM TÀI CHÍNH 2015 - 2016

1 Năm 2015 DHDCCĐ đã thống nhất biểu quyết thay đổi niên độ tài chính từ 1/1 đến 31/12 sang niên độ từ 1/7 năm trước đến 30/6 năm sau. Niên độ tài chính mới đầu tiên từ 1/7/2015 đến 30/6/2016 Công ty đã Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Đồng thời tăng trưởng ấn tượng so với cùng kỳ năm trước: Tổng doanh thu tăng 21,81%; Lợi nhuận trước thuế tăng 113%; Lợi nhuận sau thuế tăng 140%.



2 Trong năm đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng thành công tốt đẹp để lại ấn tượng sâu sắc trong công nhân - nông dân, đối tác, khách hàng và bạn bè trong ngoài nước, các cấp lãnh đạo chính quyền từ trung ương đến địa phương: Ngày 18/9/2015 Đại hội Đảng bộ Công ty lần thứ X (2015-2020); Ngày 8/12/2015 Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty và 20 năm thành lập Hiệp hội mía đường Lam Sơn; Ngày 30/1/2016 Khánh thành Trung tâm Nông nghiệp CNC gắn với Khai trương Hội chợ Xuân Lam Sơn. “Vì chất lượng cuộc sống”...



3 Tích cực triển khai các dự án mới: Dự án Nông nghiệp công nghệ cao mở rộng về quy mô, sản lượng, chủng loại và chất lượng tăng thêm. Trong chương trình nhân giống mía “Nuôi cấy mô” Lasuco đã nhân thành công 2 giống mía là LS1 và LS2. Đây là một thành công bước đầu thực hiện chiến lược giống mía chất lượng cao cho toàn vùng đến năm 2020. Từ 1/7/2016 đã chuyển Trung tâm Nông nghiệp CNC thành Doanh nghiệp Khoa học công nghệ có tư cách pháp nhân.



Dự án lúa gạo: Chỉ trong một thời gian ngắn Công ty đã vận động được 667 hộ nông dân tại TT Vạn Hà - Huyện Thiệu hóa tin tưởng, đồng thuận dồn đất thành cánh đồng gần 100 ha, giao cho Lasuco tổ chức sản xuất. Ngày mùng 4 tết Bình Thân đã xuống đồng cấy lúa, sản xuất theo phương pháp hữu cơ. Vụ mùa tiếp theo diện tích đạt 183 ha. Đây là cơ sở và nền móng để thực hiện chiến lược phát triển ngành lúa gạo sạch của Lasuco.



Triển khai DA tre trúc: Công ty đã chủ động triển khai với nhiều hoạt động liên kết, tiếp xúc với các đối tác về công nghệ, thiết bị, thương mại thị trường trong và ngoài nước từng bước hoàn thiện Dự án đầu tư. Dự kiến 2017 khởi công xây dựng NM tre ép công nghiệp, năm 2018 bắt đầu sản xuất;



4 Thực hiện chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm mía đường Xứ Thanh, Công ty đã mua cổ phần chi phối tại Công ty CP Đường Nông Cống, ngày 6/1/2016 Đại hội cổ đông đã từng bước kiện toàn nhân sự chủ chốt và cơ chế hoạt động. Bước đầu SXKD đã hiệu quả hơn, đồng thời rà soát, đánh giá và tổ chức lại vùng mía Nông Cống theo hướng quy mô cánh đồng lớn.



5 Công tác tổ chức quản lý và đầu tư phát triển nguồn nhân lực đã có những đổi mới: cơ chế quản lý có bước hoàn thiện, công tác tuyển dụng, đào tạo nhân lực đặc biệt chuẩn bị cho các chương trình dự án trọng tâm: trong năm tuyển dụng trên 100 nhân sự cho chiến lược phát triển các ngành hàng mới như Nông nghiệp CNC, Lúa gạo, tre luồng; đào tạo, đào tạo lại và thâm quan học tập gần 1000 lượt người.



6 Công ty tiếp tục được vinh danh: Công ty được nhận bằng khen của Chính phủ về xây dựng nông thôn mới; top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; top 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam; Các giải thưởng: Biểu tượng cúp vàng xây dựng nông thôn mới; Cúp thương hiệu xanh Việt Nam; Biểu tượng doanh nghiệp "Vì người lao động"; Thương hiệu vàng nông nghiệp Việt Nam năm 2016; Chủ tịch HĐQT được tặng "Huân chương Lao động hạng nhất"; 30 CBCN được nhận Bằng khen của Bộ NN&PTNT và UBND Tỉnh Thanh Hóa và nhiều phần thưởng khác.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH

Trong bối cảnh trước áp lực cạnh tranh khi các hiệp định có hiệu lực, đặc biệt là hiệp định FTA với các nước ASEAN năm 2018 đã đến gần, ngành mía đường đang gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Niên độ tài chính 2015/2016 là năm cuối cùng thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011-2015, năm đầu tiên thực hiện theo niên độ tài chính mới từ 1/7-30/6. Với định hướng của HĐQT cũng với nỗ lực của Ban điều hành và các đơn vị, kết quả hoạt động SXKD toàn Công ty theo niên độ 2015/2016 đạt được như sau:

1. Kết quả SXKD cả năm niên độ 2015/2016.

- Mía ép đạt 99% kế hoạch năm và bằng 103,72% so với cùng kỳ.
- Đường nhập kho đạt 77,69% kế hoạch và bằng 95,33% so với cùng kỳ.
- Sản lượng đường tiêu thụ: Từ đường sản xuất bằng 82% kế hoạch và bằng 80% so với cùng kỳ, đường thương mại bằng 204% so với kế hoạch năm.
- Doanh thu có thuế: 1.897,5 tỷ đồng, đạt 105,41% kế hoạch, doanh thu thuần đạt 1.804 tỷ đồng, tăng 21,81% so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế: 89,171 tỷ đồng, đạt 114,32% kế hoạch và tăng 140% so với cùng kỳ năm trước.
- Nộp ngân sách nhà nước: 67,1 tỷ đồng, bằng 74,57% kế hoạch.

2. Công tác nguyên liệu bước đầu triển khai có hiệu quả dự án làm mới lại cây mía Lam Sơn:

Chủ động ứng phó kịp thời với những biến động bất thường, thời tiết nắng hạn kéo dài từ tháng 4 đến tháng 7 và ngập lụt lớn vào tháng 9 năm 2015 đã ảnh hưởng lớn đến vùng nguyên liệu, kéo theo vấn đề sâu bệnh đối với cây mía. Nhờ sự sát sao trong công tác chăm sóc, tích cực triển khai trồng giống mới, xây dựng các mô hình cơ thâm canh cơ giới, sản lượng mía tăng 3,7% so với vụ trước, trong khi tất cả các nhà máy trong nước đều thiếu hụt sản lượng, năng suất bình quân toàn vùng tăng 12%; Công tác thanh toán tiến mía, tiến cước hoàn thành trước 20/6/2016, triển khai vốn đầu tư, chính sách hỗ trợ đến bà con trồng mía kịp thời, công khai; Công tác điều hành thu hoạch nhịp nhàng từ đồng ruộng đến nhà máy; Triển khai rà soát quy hoạch vùng mía Lam Sơn năm 2025, tầm nhìn 2030.

3. Sản xuất – chế biến có nhiều cố gắng, năng lực sản xuất đường luyện và phát điện được nâng lên rõ rệt:

Công tác chỉ đạo – điều hành, vận hành ổn định và đã làm chủ dây chuyền sản xuất, ý thức và trình độ tay nghề của người lao động từng bước được nâng lên. Công tác vệ sinh môi trường được đảm bảo Xanh – Sạch từ trong ra ngoài nhà máy. Công suất ép thực tế đạt 96,2% bằng 102% vụ trước, đặc biệt số giờ dừng sản xuất giảm, chỉ bằng 53,3% so với vụ

2014/2015; Các tiêu hao vật tư hóa chất giảm so với vụ trước, cơ cấu đường luyện đạt 76,9% bằng 120% so với vụ 2014/2015; Thực hiện tốt công tác bảo vệ thiết bị, duy trì sản xuất ổn định, kiểm tu và nâng cấp tubin 15MW đưa vào vận hành hiệu quả điện bán lưới tăng 50%.

4. Công tác thương mại – thị trường hoàn thành xuất sắc với nhiều giải pháp linh hoạt:

Sản lượng đường bán đạt 101,23% kế hoạch năm, tổng doanh thu bán đường, mặt ri đạt 109,32% kế hoạch năm. Đặc biệt công tác thương mại đã thúc đẩy mạnh sản lượng đường thương mại chiếm 31,3% và doanh thu thương mại chiếm 28,4%, ngoài việc góp phần lớn trong việc hoàn thành kế hoạch doanh thu, cũng đã mang lại tỷ suất lợi nhuận 1,17% doanh thu. Là năm đầu tiên hoàn thành kế hoạch nhập khẩu đường thô; Đã và đang triển khai mở rộng kênh bán hàng giới thiệu sản phẩm Nông nghiệp công nghệ cao và từng bước hoàn thiện công tác tổ chức, điều hành, phát triển hệ thống bán lẻ.

5. Công tác quản lý, quản trị tiếp tục được trung cao: Thực hiện thành công chuyển đổi niên độ tài chính. Tổ chức chuyển đổi, sắp xếp, giao cơ chế, khoán chi tiết cho đơn vị Xi nghiệp cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn và 02 nhà máy gạch Tuynel. Đưa trung tâm NC và PT NN CNC Lam Sơn đi vào hoạt động hạch toán độc lập theo mô hình Doanh nghiệp khoa học. Triển khai rà soát sửa đổi, hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị, tài chính, nhân sự... theo hướng chuyên môn hóa. Tổ chức thành công, tạo nhiều tiếng vang từ sự kiện kỷ niệm 35 năm xây dựng và phát triển Công ty, 20 năm xây dựng Hiệp hội mía đường Lam Sơn; Tổ chức khánh thành Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn gắn với chuỗi hoạt động Hội chợ Xuân Lam Sơn 2016...

6. Từng bước nâng cao hoạt động của Công ty TNHH khoa học nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn:

Công ty TNHH: Bổ sung nhân sự hoàn thiện bộ máy tổ chức, hoàn thành dứt điểm các công việc XDCB, chuẩn bị tốt các điều kiện bước vào hoạt động hạch toán độc lập. Triển khai tập các chương trình sản xuất mía, cam và các loại rau - củ - quả đảm bảo đạt hiệu quả theo kế hoạch SXKD đã phê duyệt; Chú trọng hiện nhiều dự án nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, cấp tỉnh đảm bảo tiến độ được giao.



7. Triển khai các dự án trọng tâm kịp tiến độ:

- Tập trung cao hoàn thành các hạng mục xây dựng và lắp đặt 5 ha nhà kính, 10 ha cánh đồng mở, hệ thống nhân giống cam, hệ thống nhân giống mía...đi vào hoạt động đúng tiến độ để ra.
- Hoàn thành do vẽ bản đồ địa hình và đã được UBND Tỉnh Thanh Hóa chấp thuận chủ trương cho 2 Dự án Công viên sinh thái tre luồng và Dự án Nhà máy Tre ép khối tại B. Thuận.



- Đã cơ bản hoàn thành các Dự án như: Trạm bơm tưới cho Trung tâm NNCC đã được UBND Tỉnh chấp thuận chủ trương và chuẩn bị cơ bản đầy đủ thủ tục giao đất để triển khai; Dự án Trung tâm thương mại – hội nghị Lam Sơn 3,4 ha đã có quyết định giao đất, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện triển khai thực hiện.
- Dự án lúa hữu cơ triển khai tích cực, thuê thủ sản xuất vụ chiêm xuân 2016 gần 100ha thu hoạch được gần 700 tấn lúa, vụ mùa 2016 là 184ha; Xây dựng dây truyền sấy lúa công suất 80 tấn/ ngày.



TÌNH HÌNH

THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

1. CÁC DỰ ÁN

ĐVT: 1.000.000 VNĐ

STT	TÊN DỰ ÁN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	GIẢI NGÂN NĂM 2015/2016	DỰ KIẾN GIẢI NGÂN 2016/2017
1	Công viên sinh thái tre trúc Thanh Tam	200.000	5.520	100.000
2	Nhà máy tre ép khối	450.000	218	150.000
3	DA nhà lưới tại Sao Vàng & CNC	23.000	13.150	9.850
4	DA đầu tư kho chứa đường 20.000 tấn	14.500	-	14.500
	Tổng cộng	687.500	18.888	274.350

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- Tái cơ cấu lại các công ty con:

Chuyển đổi Công ty CP cơ giới NN Lam Sơn sang hoạt động theo mô hình XI nghiệp cơ giới nông nghiệp Lam Sơn trực thuộc Lasuco.

Thu hồi khoản đầu tư vào Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh với số vốn đã đầu tư là 4.521.517.162 đồng.

Mua lại phần vốn đầu tư của các Công ty con đầu tư vào Công ty CP ĐPTT Lam Sơn - Bá Thước và công ty CP CNN dịch vụ thương mại Văn Sơn. Chuyển Công ty CP ĐPTT Lam Sơn - Bá Thước và Công ty CP CNN dịch vụ thương mại Văn Sơn thành công ty 100% vốn của Lasuco.

Đầu tư mua 1.180.000 CP của Công ty CP mía đường Nông Cống, sở hữu 56,61% vốn điều lệ. Tổng vốn đầu tư là 25.960.000.000 đồng.

Đầu tư mua 100% vốn cổ phần của Công ty CP thương mại Thành An và thực hiện chuyển đổi thành công ty TNHH 1TV Thành An - Lam Sơn. Vốn điều lệ 1.800.000.000 đồng. Tổng giá trị đầu tư 8.300.000.000 đồng.

Trong năm tài chính, Công ty đầu tư mua 9.292.885 CP của Tổng Công ty mía đường I - Công ty CP, tổng giá trị đầu tư là 94.381.895.074 đồng. Tháng 6/2016, để tập trung vốn cho hoạt động SXKD chính và các dự án trọng điểm, Công ty đã bán 9.000.000 CP thu hồi 91,440 tỷ đồng. Tại ngày 30/06/2016, LASUCO còn sở hữu 292.885 CP, giá trị khoản đầu tư và 2.974.645.800 đồng.

CÁC CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT

1. CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN LAM SƠN

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000123, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2003 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 27/07/2015 với mã số doanh nghiệp là 2800783723.



Trụ sở chính: Thôn Đa Dụng - Xã Xuân Phú - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 15.500.000.000 đồng (Mười lăm tỷ năm trăm triệu đồng)

Góp vốn của Lasuco: 13.950.000.000 đồng, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty. Tỷ lệ sở hữu tại Công ty này giảm đi là do trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 115.000 cổ phần (tương đương 10% vốn cổ phần) cho các cổ đông khác.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón các loại; San lấp mặt bằng; Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Xử lý hạt giống để nhân giống.

2. CÔNG TY TNHH LAM SƠN - SAO VÀNG

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800786957, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/05/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.



Trụ sở chính: Thị trấn Sao Vàng - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Góp vốn của Lasuco: 20.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây mía; cao su; cây ăn quả và trồng cây hàng năm khác. Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Chế biến và bảo quản rau quả; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh và trồng cây lâu năm khác.

3. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SƠN - BÁ THƯỚC

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần ngày 18/02/2011, mã số doanh nghiệp là 2801664422.

Trụ sở chính: Phố 3 - Thị trấn Cảnh Nang - Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn)

Vốn thực góp: 13.500.000.000 đồng (Mười ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 13.500.000.000 đ, chiếm 100% vốn điều lệ thực góp của Công ty

Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây mía, Trồng cây gia vị, cây dược liệu. Khai thác gỗ, thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp Sản xuất đồ gỗ xây dựng, sản xuất bao bì bằng gỗ, sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Khai thác xử lý và cung cấp nước; Trồng rau, đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, trồng cây hàng năm khác.



4. CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÂN SƠN

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801751192 ngày 09/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Xã Vân Sơn - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng chẵn)

Vốn điều lệ thực góp: 11.400.000.000 đồng (Mười một tỷ bốn trăm

Góp vốn của Lasuco: 11.400.000.000 đ, chiếm 100% vốn điều lệ đã góp của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây mía, cây lấy củ có chất tinh bột, rau đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, cây hàng năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.

- Chăn nuôi trâu bò, lợn, gia cầm và chăn nuôi khác; Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch; Xử lý hạt giống để nhân giống, trồng rừng và chăm sóc rừng.

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.

- Khai thác gỗ, khai thác lâm sản, trừ gỗ; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.



5. CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG

Địa chỉ: Xã Thăng Long- huyện Nông Công-tỉnh Thanh Hóa

Giấy phép ĐKKD số 2800492925 đăng ký lần đầu ngày 29/12/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 03/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp

Vốn điều lệ: 20.844.000.000 đồng (Hai mươi tỷ, tám trăm bốn bốn triệu đồng chẵn)

Góp vốn theo mệnh giá của Lasuco: 11.800.000.000 đ, chiếm 56,61% vốn điều lệ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất đường, buôn bán tổng hợp, hoạt động dịch vụ trồng trọt, bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan, sản xuất phân bón, đồ uống không cồn, nước khoáng, thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm và thủy sản, trồng mía, dịch vụ sau thu hoạch, kinh doanh máy móc thiết bị ngành chế biến đường



6. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÀNH AN - LAM SƠN

Địa chỉ: Khu Hồ Bận- làng May- xã Thọ Xương- huyện Thọ Xuân- tỉnh Thanh hóa

Vốn điều lệ: 1.800.000.000 đồng (một tỉ tám trăm triệu đồng)

Vốn góp của Lam sơn: 100% vốn điều lệ.

Giấy phép ĐKKD số 2801078996 đăng ký lần đầu ngày 22/11/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 07/06/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

CÔNG TY LIÊN KẾT

1. CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THANH HÓA

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 2603000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh hoá cấp ngày 04/03/2002 và thay đổi ĐKKD lần 1 vào ngày 09/05/2006.

Trụ sở chính: 25A Quang Trung - P. Ngọc Trạo - Tp Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 11.998.800.000 đồng (Mười một tỷ, chín trăm chín tám triệu, tám trăm nghìn đồng)

Góp vốn của Lasuco: 5.556.200.000 đ, chiếm 46,30 % vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh:

- Dịch vụ khách sạn.
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ khác.
- Kinh doanh kho tàng, bến bãi.
- Quản lý và kinh doanh nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, xây lắp điện nước.
- Kinh doanh lữ hành, vận tải hành khách đường bộ, đường thủy nội địa.
- Xuất nhập khẩu hàng hóa, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và xây dựng, phương tiện vận tải, ô tô, xe máy và phụ tùng, hàng điện tử, điện lạnh, hàng công nghệ tiêu dùng, vật liệu xây dựng, thực phẩm vật tư nông nghiệp ...



2. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SƠN - NHƯ XUÂN

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Như Xuân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801700568 ngày 18/07/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Thôn 8 - Xã Xuân Hòa - Huyện Như Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 15.000.000.000 đ, chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây mía.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác.
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón.

- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU VIỆT NAM - THỤY ĐIỂN

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 ngày 20/09/2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp và chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 22/02/2011.

Trụ sở chính: Lô CN - 83 - KCN Phú Nghĩa - Xã Phú Nghĩa - Huyện Chương Mỹ - Tp Hà Nội

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 21.500.000.000 đồng, chiếm 30,71% vốn điều lệ của Công ty

Ngành nghề kinh doanh:

- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- Đóng chai các loại rượu.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Kinh doanh các loại rượu và đồ uống khác do Công ty sản xuất.
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan.

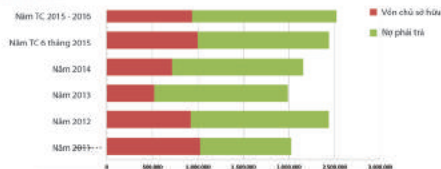
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

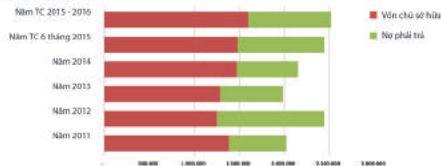
DVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TỨ NGÀY 01/07/2015 - 30/06/2016	TỨ NGÀY 01/07/2014 - 30/06/2015	%TĂNG GIAM
Tổng giá trị tài sản	2.520	2.440	3,28
Doanh thu thuần	1.804	1.481	21,81
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	109,8	49,7	120,93
Lợi nhuận khác	(7,05)	(1,4)	(3,92)
Lợi nhuận trước thuế	102,7	48,2	113,07
Lợi nhuận sau thuế	89,1	37,2	139,52
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	66,78%		

CƠ CẤU TÀI SẢN



CƠ CẤU NGUỒN VỐN



2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

DVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TỨ NGÀY 01/07/2015 - 30/06/2016	TỨ NGÀY 01/07/2014 - 30/06/2015	GHI CHÚ
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Khả năng thanh toán hiện hành:	2,75	2,54	(lần)
+ Khả năng thanh toán nhanh	0,03	0,02	(lần)
+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,19	1,09	(lần)
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	36,42%	39,36%	
+ Hệ số Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	63,58%	60,64%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	3,25	3,45	(lần)
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,72	0,61	(lần)
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,93%	2,51%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,56%	2,51%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,53%	1,52%	
+ Hệ số Lợi nhuận trước thuế /Doanh thu thuần	5,69%	3,25%	

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty vẫn được duy trì lành mạnh, hầu hết các chỉ tiêu tài chính đều tăng trưởng dương và tốt hơn so với cùng kỳ.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm nay so với năm trước được cải thiện một phần do nỗ lực quản lý, tiết giảm chi phí từ phía doanh nghiệp bên cạnh những khó khăn nội tại của ngành về đầu ra tiêu thụ, lượng đường tồn kho lớn, và vấn nạn về đường nhập lậu chưa được cải thiện.

Công ty cũng chủ động giảm bớt nợ vay trong khi nguồn vốn chủ sở hữu tăng lên đã giúp Công ty đưa cơ cấu nguồn vốn về mức cân bằng hơn, qua đó giảm thiểu rủi ro từ đòn bẩy tài chính cũng như chi phí lãi vay phải trả.

Lợi nhuận sau thuế 2015/2016 được cải thiện, nợ vay ngân hàng đã giảm dẫn đã tăng tình thanh khoản trong hoạt động kinh doanh của LASUCO, thể hiện qua các hệ số thanh toán nhanh và khả năng trả lãi vay ngân hàng đã được cải thiện.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. CƠ PHẦN

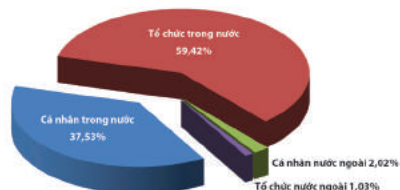
Tính đến ngày 26/08/2016, vốn điều lệ của Công ty như sau :

Vốn điều lệ của Công ty	700.000.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	70.000.000 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	65.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	5.000.000 cổ phiếu

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm ngày 26/08/2016 cơ cấu cổ đông của Công ty như sau: (Chiết Danh sách cổ đông để tham dự đại hội cổ đông thường niên năm 2016/2017 và tạm ứng cổ tức năm 2015/2016)

STT	Cổ đông	SL cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
I	TRONG NƯỚC	2.870	67.864.826	96,95
1	Cổ đông là Cá nhân	2.833	26.272.961	37,53
2	Cổ đông là Tổ chức	37	41.591.865	59,42
II	NƯỚC NGOÀI	83	2.135.174	3,05
1	Cổ đông là Cá nhân	12	1.413.064	2,02
2	Cổ đông là Tổ chức	71	722.110	1,03
	TỔNG CỘNG	2.953	70.000.000	100



3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN SỞ HỮU TỪ 5% SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU TRỞ LÊN

STT	Cổ đông	Địa chỉ	SL cổ đông	Tỷ lệ
1	Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa	15.635.190	22,34
2	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Đầu Tư Thăng Long Hà Nội	Số 6, Ngõ 53 Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	15.485.489	22,12

4. TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	CP BỊ HẠN CHẾ GIAO DỊCH	CP TỰ DO GIAO DỊCH	TỔNG CỘNG	TỶ LỆ (%)
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Lê Văn Tâm	Chủ tịch HĐQT	180.000	1.656.580	1.836.580	2,62
2	Lê Thị Tiến	Phó CT HĐQT	35.000	51.512	86.512	0,12
3	Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	5.000		5.000	0,01
4	Lê Đình Trường	Ủy viên HĐQT	5.000		5.000	0,01
5	Lê Trọng Bài	Ủy viên HĐQT				
II	BAN ĐIỀU HÀNH					
1	Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	5.000	3.130	8.130	0,01
2	Nguyễn Duy Thành	Phó TGB		4.712	4.712	0,01
3	Lê Bá Chiêu	Phó TGB	5.000		5.000	0,01
4	Lê Trung Thành	Phó TGB	15.000	12.052	27.052	0,04
5	Nguyễn Văn Lâm	Phó TGB	10.000		10.000	0,01
6	Lê Thị Huệ	Kế toán trưởng	30.000	26.875	56.875	0,08
III	BAN KIỂM SOÁT					
1	Lê Văn Quang	Trưởng ban KS	15.000	22.750	37.750	0,05
2	Lê Thị Tĩnh	Thành viên BKS	5.000	4.055	9.055	0,01
3	Đỗ Văn Mạnh	Thành viên BKS	5.000	16.250	21.250	0,03

5. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: Trong năm công ty không có đợt tăng vốn cổ phần

6. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUÝ: Trong năm tài chính Công ty không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quý trong năm.

7. CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: không có.



CÔNG TY MUA BÁN ĐIỆN



CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

LỄ KÝ KẾT

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

MIA ĐƯỜNG LAM SƠN



03

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 3.1. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
- 3.2. KẾ HOẠCH SXKD NĂM TÀI CHÍNH 2016 - 2017 VÀ GIẢI PHÁP
- 3.3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MT&XH

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

- Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ - Những tiến bộ công ty đã đạt được.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản trong năm nay tăng 3.27% so với năm trước (tương đương tăng 80 tỷ đồng).

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	% TĂNG GIẢM	
			GIÁ TRỊ	%
Tài sản ngắn hạn	932,435	992,936	(61)	(6,1)
Tiền, tương đương tiền, và tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng	21,642	15,558	6,084	39,1
Các khoản phải thu ngắn hạn	374,163	591,676	(217,513)	(36,7)
Hàng tồn kho	535,870	372,850	163,020	43,7
Tài sản ngắn hạn khác	0,758	12,850	(12,849)	(99,9)
Tài sản dài hạn	1.588	1.447	141	9,7
Tổng tài sản	2.520	2.440	80	3,2

Tổng tài sản của của Công ty tại ngày 30/06/2016 : 2.520 tỷ đồng tăng 80 tỷ đồng tương ứng tăng 3,3% so với đầu năm. Trong đó:

Tài sản dài hạn tăng 141 tỷ đồng và Tài sản ngắn hạn giảm 61 tỷ đồng. Chủ yếu do tăng hàng tồn kho, các khoản mục tiền và tài sản dài hạn (Công ty đã tập trung đầu tư vào các dự án quan trọng như dự án Nông nghiệp CNC: hệ thống nhà kính nhà lưới, nhà kính, vườn ươm, cánh đồng mở và các hạng mục phụ trợ. Đối với nhà máy đường, Công ty đã đầu tư mới, mở rộng hệ thống máy móc khai thác tối ưu năng lực phát điện, tuabin lò hơi và hoàn thiện công suất sản xuất 100% đường luyện).

Đối với các khoản phải thu: Trong năm, Công ty đã tăng cường công tác quản lý, tích cực thu hồi các khoản phải thu. Cuối kỳ giảm 217 tỷ đồng so với đầu kỳ tương đương giảm 36,7%; tài sản ngắn hạn khác cũng giảm 12 tỷ đồng tương đương giảm 99,9% so với đầu năm.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	% TĂNG GIẢM	
			GIÁ TRỊ	%
Nợ phải trả	920,003	960,677	(40,674)	(4,23)
Nợ ngắn hạn	788,619	907,090	(118,471)	(13,06)
Nợ dài hạn	131,384	53,586	77,798	145,18
Vốn chủ sở hữu	1.600,54	1.479,97	120,567	8,15
Vốn chủ sở hữu	1.556,56	1.479,34	77,216	5,22
Nguồn kinh phí và quỹ khác	43,98	0,63	43,35	6880,95
Tổng cộng nguồn vốn	2.520	2.440	80	3,28

Tổng nguồn vốn tại thời điểm 30/06/2016 tăng 80 tỷ đồng so với đầu năm, trong đó Vốn chủ sở hữu tăng 123 tỷ từ lợi nhuận hoạt động SXKD trong năm và Công ty đã thực hiện điều chuyển 42 tỷ đồng từ chỉ tiêu TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi sang theo dõi ở chỉ tiêu Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ

Nợ phải trả giảm chủ yếu do giảm nợ ngắn hạn (chủ yếu do Công ty đã tăng cường công tác quản lý nợ phải thu, tích cực thu nợ để trả nợ vay ngân hàng và các nhà cung cấp.

Tổng nợ phải trả chiếm 36% và vốn chủ sở hữu chiếm 64% tổng nguồn vốn của Công ty.

NHỮNG CÁI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Tiếp tục đánh giá, rà soát , phân loại chất lượng lao động, để từ đó có phương án bố trí hợp lý, tinh giản lao động, nâng cao hiệu quả làm việc, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động; Tổ chức tổng kết vụ ép 2015/2016 theo công đoạn, theo các chỉ tiêu KTKT từ tổ đến các nhà máy, các Xi nghiệp nguyên liệu và toàn Công ty để rút ra bài học kinh nghiệm.

- Đánh giá bổ sung, hoàn thiện lại cơ chế trả lương, thưởng cho người lao động gắn với kết quả, hiệu quả công việc, xóa bỏ tình hình thực: Thực hiện giao khoán, đánh giá theo kết quả hoàn thành công việc đến từng cá nhân, vị trí bổ xung và hoàn thiện tiêu chuẩn cương vị/mô tả công việc để ngày càng chuẩn hóa trong việc tuyển dụng, bố trí nhân sự và thu nhập của người lao động.

-Rà soát, hoàn thiện và ban hành các Quy chế quản lý của Công ty: Quy chế quản trị, tiền lương, nhân sự, môi trường... và các quy chế của các đơn vị thành viên theo hướng: Tinh gọn, cụ thể, thực tế và đơn giản hóa trong triển khai đánh giá nhưng vẫn đảm bảo tính chặt

chê từ các đơn vị đến các phòng ban, từ LASUCO đến các công ty con, từ khâu giao kế hoạch, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, giao mục tiêu nhiệm vụ và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Tổ chức mô hình quản lý theo hướng triển khai và thực hiện theo các Dự án, chuyên đề chuyên môn căn cứ theo định hướng phát triển đến năm 2020; nâng cao tinh chuyên nghiệp và trách nhiệm, xóa bỏ các khâu, thủ tục rườm rà không đảm bảo hiệu quả: Dự án Làm mới lại cây mía hạt đường; Dự án Cây ăn quả, rau củ, hoa... Công nghệ cao; Dự án Lâm học hữu cơ; Dự án Tre luồng-Công viên sinh thái; Dự án thương mại...

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2016 - 2017 VÀ CÁC GIẢI PHÁP

Niên độ tài chính 2016/2017 - Mốc đánh dấu quan trọng: là năm thứ hai thực hiện theo niên độ tài chính mới, năm đúc rút kinh nghiệm sâu sắc sau một năm thực hiện theo niên độ mới; Trong khi ngành mía đường trong nước đang hòa đồng ngành mía đường thế giới với rất nhiều khó khăn thách thức. Do vậy, thực hiện mục tiêu để ra không những là nhiệm vụ của năm niên độ, mà còn là năm bản lề để chuẩn bị tăng tốc đạt bước tiến dài trong giai đoạn 2016-2021.

Mục tiêu và giải pháp, cụ thể năm tài chính 2016 - 2017:

I. KẾ HOẠCH SXKD NIÊN ĐỘ 2016/2017 (1/7/2016-30/6/2017).

- Doanh thu có VAT:	2.150	tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	120	tỷ đồng
- Nộp ngân sách:	90	tỷ đồng
- Có tức:	10	%

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP TẬP TRUNG.

1. Giải pháp về công tác quản trị, quản lý.
 - Rà soát và áp dụng mô hình quản trị, mô hình tổ chức hiện đại "TỰ TƯ DUY ĐỘT PHÁ ĐẾN THỰC THI" phù hợp với mục tiêu TĂNG TRƯỞNG XANH bền vững theo các ngành nghề cốt lõi Mía – Đường – Điện – Sản phẩm Nông nghiệp công nghệ cao, đủ mạnh và đủ sức cạnh tranh. Triển khai xây dựng bộ nhận diện thương hiệu mới cho Công ty theo từng ngành sản phẩm.
 - Tập trung mọi giải pháp về đổi mới quản lý, điều hành, đào tạo, tuyển dụng, nâng cao ý thức trách nhiệm, xây dựng tác phong lao động chuyên nghiệp để nâng cao năng suất, nâng cao thu nhập cho người lao động là nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh, yếu tố sống còn cho Công ty trong giai đoạn hội nhập và phát triển ngày càng sâu rộng.
 - Xây dựng chiến lược nhân sự toàn công ty giai đoạn 2016-2020 nhằm mục tiêu tinh gọn, đáp ứng yêu cầu phát triển. Đồng thời đánh giá bộ sùng, hoàn thiện cơ chế lương, thưởng cho người lao động gắn chặt với hiệu quả công việc.

- Đánh giá lại hiệu quả hoạt động SXKD và các dự án đưa vào hoạt động niên độ 2015/2016. Tập trung triển khai các dự án đầu tư triển khai trong niên vụ 2016/2017 và định hướng đến năm 2020.

2. Giải pháp phát triển vùng nguyên liệu mía.

- Tập trung các giải pháp đảm bảo sản lượng mía vụ ép 2016/2016 đạt 850.000 tấn, phần đầu chất lượng từ 10 CCS trở lên trên cơ sở hỗ trợ và áp dụng các biện pháp chăm sóc, quản lý sinh trưởng, quản lý sâu bệnh dịch hại với cây mía tại vụ nhất.
- Triển khai có hiệu quả "Dự án làm mới lại cây mía Lam Sơn" theo hướng cơ giới hóa đồng bộ, áp dụng triệt để định hướng 3 KHÔNG của HĐQT, các biện pháp thâm canh tăng năng suất đường trên 1 đơn vị diện tích, tăng thu nhập cho người nông dân đảm bảo cho sự ổn định và phát triển bền vững Công ty giai đoạn tiếp theo.
- Triển khai quyết liệt và đưa Dự án Quản lý vùng nguyên liệu trên bản đồ số (GIS) gắn với giải pháp giám sát hành trình vận chuyển GPS tiên tiến hiện đại để thực hiện quản lý vùng nguyên liệu hiện đại trực quan, chặt chẽ đến từng thửa ruộng, từng loại mía... đi vào hoạt động từ đầu vụ ép 2016/2017
- Rà soát xét lại lực lượng làm nguyên liệu, đánh giá chi tiết hiệu quả hoạt động các Công ty và Xi nghiệp nguyên liệu, tổ chức sắp xếp lại lực lượng cán bộ địa bàn, từng đơn vị theo hướng tập trung; Xây dựng và áp dụng triệt để cơ chế tiền lương, tiền thưởng theo hình thức mua các chỉ tiêu và phân giao, ký hợp đồng cụ thể đến từng xí nghiệp và từng cá nhân.
- Tiếp tục xây dựng quan hệ và liên kết chặt chẽ, có cơ chế tài chính với chính quyền địa phương và các hộ trồng mía phát triển bền vững vùng mía đường Lam Sơn lâu dài.
- 3. Giải pháp về công tác sản xuất, chế biến đường – "TỐ CHỨC SẢN XUẤT TINH GỌN"
 - Tiếp tục triển khai Dự án "Làm mới lại hạt đường Lam Sơn" để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực máy móc thiết bị tạo ra các sản phẩm đường mới và các sản phẩm sau đường, các phụ phẩm để nâng cao hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh, đón đầu hội nhập.
 - Chuẩn bị kỹ các điều kiện, tổ chức kiểm tra sửa chữa máy móc thiết bị tốt nhất gần với tổ chức sản xuất vụ 2016/2017 với hiệu quả cao nhất Tổ chức luyện đường trong và ngoài vụ triển khai và áp dụng giải pháp quản lý tiên tiến của Nhà Bùn – LEAN – MANUFACTURING để tạo sự đột phá "Thay đổi tư duy" nhằm mục đích "TỐ CHỨC SẢN XUẤT TINH GỌN", liên tục phát hiện và loại bỏ 7 loại lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Rà soát xét, sắp xếp lại lực lượng lao động theo hướng chuyên môn hóa theo từng công đoạn trong Nhà máy, thực hiện phân giao và mua chỉ tiêu của từng từng công đoạn, chỉ tiêu từng cương vị theo tiêu chuẩn công việc. Đồng thời, cải tiến sắp xếp bố trí ca, kíp phù hợp để nâng cao năng suất và thu nhập cho người lao động trong Nhà máy.
- 4. Giải pháp về công tác thương mại thị trường.
 - Tập trung án triển khai chuyển đổi Mô hình hoạt động của Trung tâm thương mại sang hình thức mô hình Công ty TNHH một thành viên thực thụ, xây dựng hoàn thiện cơ chế quản lý, định hướng nhân sự và giao trách nhiệm đảm bảo các nguồn lực hoàn thành kế hoạch được giao.

- Bám sát thị trường, áp dụng nhiều giải pháp linh hoạt để đảm bảo hoàn thành suất xác doanh thu theo mục tiêu, kế hoạch; Duy trì quan hệ với khách hàng tiềm năng, xác định đối tượng khách hàng là các nhà sản xuất lớn đòi hỏi chất lượng cao như Coca, Pepsico, Vinamilk, ... đa dạng hóa phương thức bán hàng, mở rộng thị trường bán buôn, bán lẻ trên cả nước.

- Xây dựng và hình thành Phòng xuất nhập khẩu, tăng cường nhân lực chất lượng để đảm bảo cho công tác nhập khẩu đường và đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm các thị trường cho các sản phẩm mới. Nghiên cứu, xây dựng phương án tiếp cận thị trường ngoài nước, đón đầu thị trường khi các hiệp định có hiệu lực.

- Xây dựng chiến lược Marketing cho các sản phẩm, các hệ thống chuỗi showroom-cửa hàng bán lẻ "Minimax Lam Sơn" tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Lúa gạo hữu cơ, đường đóng gói, đường hộp... tại Thành phố Thanh Hóa, Hà Nội, TPHCM và các thành phố lớn. Song song tổ chức các chương trình marketing quảng bá giới thiệu sản phẩm gắn với bộ nhận diện thương hiệu.

5. Triển khai các hoạt động SXKD nông nghiệp công nghệ cao.

- Tổ chức thực hiện SXKD sát với kế hoạch thị trường các loại sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao theo kế hoạch SXKD của Doanh nghiệp khoa học, tập trung cho các sản phẩm định hướng như: mía, mía giống, giống cam, cam thương phẩm, hoa - rau - quả ...

- Hợp tác chặt chẽ với Netafim, tổ chức sản xuất hiệu quả khu nhà kính, vườn ươm, cảnh đồng mở để đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường, đồng thời kết hợp các đơn vị triển khai dự án nhà lưới netafim tại Trung tâm và Sao Vàng. Bên cạnh đó, tổ chức cán bộ kỹ thuật chuyên môn tập trung tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật của Netafim.

- Phối hợp với Hiệp hội mía đường Lam Sơn triển khai chương trình hợp tác với các chủ hợp đồng mía, phát triển các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao gắn với chuyển giao công nghệ, thu mua sản phẩm nhằm gia tăng năng lực sản xuất của Công ty.

- Tiếp tục triển khai, hoàn thiện thủ tục các dự án, để tài khoa học với các cấp thẩm quyền; Tổ chức ký hợp đồng hợp tác với các cơ quan hỗ trợ, chuyển giao công nghệ và nhà khoa học.

6. Giải pháp triển khai các chương trình, dự án trọng tâm:

- Dự án sản xuất lúa gạo hữu cơ (SRI, SRI2): Tập trung triển khai sản xuất lúa mùa với diện tích 184ha, tối ưu hóa quá trình sản xuất và tận dụng rơm rạ phục vụ làm giá thể và sản xuất nấm xuất khẩu. Triển khai đầu tư Trung tâm chế biến nông sản thực phẩm tại Cụm công nghiệp phía Bắc thị trấn Vạn Hà với diện tích 25,7ha trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương, quy hoạch và triển khai GPMB...

- Dự án tre luồng: Triển khai lựa chọn tư vấn thiết kế, lập dự toán chi tiết và thẩm định trình duyệt. Lập thủ tục cấp phép, lựa chọn nhà thầu cung cấp, lắp đặt và hướng dẫn vận hành, chuyển giao công nghệ sản xuất. Chuẩn bị các điều kiện khởi công xây dựng công viên sinh thái và nhà máy tre ép khối. đồng thời hoàn thiện kế hoạch nhân sự để tiếp thu công nghệ, điều phối Dự án.

- Xúc tiến nghiên cứu và triển khai các dự án có nhiều lợi thế và tiếp tục triển khai các chương trình, chủ trương: Triển khai đầu tư Trạm bơm tưới phục vụ nông nghiệp công nghệ cao và sản xuất; Triển khai GPMB khu mở rộng 16ha cho Trung tâm NN CNC Lam Sơn; Tiếp tục làm việc đầu mối với trung tâm xúc tiến thương mại và du lịch Thanh Hóa triển khai khu chế biến thực phẩm Việt Nam- Singapore, và các dự án tiềm năng khác....

Niên độ 2016/2017 đã đi qua được 1/4 chặng đường, trước những khó khăn thách thức lớn Ban điều hành, hệ thống cán bộ quản lý luôn tập trung cao, bám sát chủ trương định hướng và sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT để hoàn thành các mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, nhiệm vụ đặt ra là rất lớn và phải đổi mới với nhiều biến động khó lường của kinh tế thế giới và trong nước. Ban điều hành cam kết sẽ triển khai đồng bộ, có hiệu quả nhiệm vụ và các giải pháp để ra, quyết tâm nỗ lực hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kế hoạch đạt mức cao nhất.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN

ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm tài chính 2015 - 2016.
- Tổng mía: 763.984 tấn
 - Tổng bã: 191.703 tấn
 - Tổng tro, bùn: 16.292 tấn
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.
- Bã mía 100% dùng để tái chế làm nguồn nguyên liệu đốt lò hơi, cấp hơi và phát điện phục vụ sản xuất, ngoài ra còn cấp điện hòa lưới quốc gia.
 - Tro bùn tái chế 100% làm sản phẩm phân bón cung cấp cho vùng nguyên liệu.
 - Nước thải đã xử lý đạt tiêu chuẩn đã tái sử dụng 50% lưu lượng xả thải bơm quay lại phục vụ sản xuất.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp là sử dụng nguồn điện tự phát.
 - Năng lượng tiêu thụ gián tiếp là sử dụng nguồn điện lưới quốc gia.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.
- Qua dự án đóng phát nhiệt điện CDM Công ty đã tiết kiệm được nguồn bã mía để sử dụng đốt lò phát điện hòa vào mạng lưới điện quốc gia.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.
- Báo cáo sáng kiến dự án đóng phát nhiệt điện CDM: Đã góp phần giải quyết vấn đề môi trường ngành công nghiệp mía đường, vừa tận dụng được chất thải sản xuất điện năng phục vụ sản xuất, vừa góp phần cung cấp cho điện năng lưới điện quốc gia.
 - Kết quả của dự án đóng phát nhiệt điện:
- + Đã giải quyết được vấn đề dư thừa bã trong sản xuất, không làm ô nhiễm chất thải rắn, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước. Góp phần hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch cho nhiệt điện (than đá, dầu). Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí.
 - + Tận dụng, tái sử dụng chất thải làm nguyên liệu cho ngành sản xuất khác là một nguyên lý cơ bản của sản xuất sạch hơn, góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.
 - + Giảm được chi phí xử lý chất thải, giảm thiểu chi phí điện năng cho sản xuất, tự lợi nhuận

từ việc bán điện; chủ động được nguồn năng lượng, hạn chế tác động do việc mất điện, ảnh hưởng đến sản xuất của Công ty.

TIÊU THỤ NƯỚC VÀ CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

- Các chỉ tiêu về tiêu thụ nước:

Thực hiện giấy phép khai thác nước mặt số 149/GP-UBND ngày 29/04/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Công ty CP mía đường Lam Sơn đã triển khai khai thác đúng mục đích, nguồn nước, vị trí công trình, lượng nước, phương thức khai thác và sử dụng. Đảm bảo việc khai thác nguồn nước được bảo vệ, đảm bảo vệ vệ sinh khu vực, khai thác trong giới hạn cho phép và đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

Nguồn nước khai thác, sử dụng: Sông nông giang thuộc hệ thống Thủy nông sông Chu.

Để tiến hành khai thác Công ty thủy nông sông Chu lắp đặt hệ thống đo lưu lượng và tính toán chốt công tơ theo hàng quy đổi với Công ty.

Nguồn nước khai thác được sử dụng vào sản xuất Đường, tuối mía giống và sinh hoạt của cán bộ, công nhân trong Công ty.

Chất lượng nguồn nước:

Do hệ thống sông Nông giang chủ yếu làm nhiệm vụ tưới nên chế độ thủy văn (mức nước, lưu lượng nước) phụ thuộc vào sự điều tiết của trạm thủy nông bãi Thượng cho nhu cầu sử dụng nước ở hạ lưu.

- Đánh giá các chỉ tiêu môi trường về năng lượng.

Công ty đã thực hiện dự án đóng phát nhiệt điện CDM sử dụng bã mía đốt lò hơi. Việc triển khai dự án đã làm giảm lượng phát thải khí nhà kính ước tính trong giai đoạn thực hiện 31.000 tấn CERs/năm.

Khi triển khai Dự án "Đóng phát nhiệt điện sử dụng nhiên liệu bã mía" đã sử dụng bã mía làm nhiên liệu đốt để phát điện góp phần hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch cho nhiệt điện (dầu, than), giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí. Tận dụng, tái sử dụng chất thải làm nguyên liệu cho ngành khác là một nguyên lý cơ bản của sản xuất sạch hơn, góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất của nhà máy và một phần cung cấp cho lưới điện quốc gia. Việc không thải bã mía ra môi trường sẽ hạn chế vấn đề ô nhiễm chất thải rắn, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước.

- Đánh giá các chỉ tiêu về phát thải:

* Về nước thải: Nước thải sản xuất nhà máy đường gồm có:

- + Nước thải từ các tháp ngưng tụ: Tính chất đặc thù của loại nước này là nhiệt độ cao hơn nhiệt độ môi trường nên trong nước mặt độ ôxy hòa tan cao, ngoài ra còn có lẫn đường và khí hòa tan như CO₂. Loại nước này được thu hồi để tuần hoàn lại hệ thống tạo chân không và sử dụng lại sản xuất.

Nhà máy hiện tại có hệ thống bốc hơi cưỡng bức để làm nguội và tuần hoàn 90% lượng nước cần thiết.

- + Nước ngưng: Nước này thu được từ quá trình trao đổi nhiệt bằng hơi nước xảy ra trong

quá trình trao đổi nhiệt, nổi có đặc và thấp chung luyện trong sản xuất. Đặc điểm của loại nước này là sạch và mềm.

+ **Nước làm nguội máy:** Nước dùng để làm nguội máy như tuabin, khớp nối, máy nén, động cơ và bơm. Đặc tính của loại nước này có nhiễm dầu mỡ. Phần lớn nước này được thu hồi tái sử dụng để quay lại làm mát thiết bị.

+ **Nước thải nói chung từ các công đoạn sản xuất đường:** Là nước thải từ khâu vệ sinh thiết bị, nhà xưởng và máy móc định kỳ, nước thải làm mát. Dòng thải này có mức độ nhiễm bẩn khác nhau được phân loại để xử lý: đảm bảo môi trường

* **Về khí thải:** Các nguồn phát sinh khí thải bao gồm:

- Bụi và khí thải độc hại xả từ ống xả xe từ vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm của nhà máy.
- Khói lò 03 lò hơi đốt bã mía thành phần của các lò chứa các chất khí gây ô nhiễm môi trường chủ yếu là bụi, tro bay, bụi tro, bụi hữu cơ và các khí như CO, NO, SO₂ lượng không đáng kể.
- Các nguồn khí thải khác: Bụi đất tại các bãi chứa nguyên liệu; Bụi tại khu vực xử lý cơ học như chặt, băm, xé toí mĩa phát sinh bụi nhưng không đáng kể; Các chất khí không ngưng tụ trong các thiết bị bốc hơi dịch đường của công nghệ sản xuất đường, đáng kể là khí CO₂.

* **Về chất rắn:** Gồm các nguồn phát sinh:

- Rác phân hủy được như thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ và rác không phân hủy được như: thủy tinh, nylon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, Pin, ắc quy, sơn, bóng đèn neon... tuy nhiên lượng chất thải này ít và tỷ lệ độc hại là không đáng kể.
- **Chất thải rắn sản xuất như:** Tro đốt, bã mía cần xử vào tình hình hoạt động của nhà máy sản xuất. Các chất thải này tận dụng để làm phân bón cho vùng mía của Lam Sơn.

TUẦN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- Trong năm 2015-2016 Công ty không vi phạm về luật bảo vệ môi trường, tuân thủ theo các quy định và quy chế về môi trường theo đúng quy định của Pháp luật.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

- Không bị phạt

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

a) Năm tài chính 2015-2016, số lượng lao động của Tổng Công ty là 826 người, bao gồm cả Nhà máy, xí nghiệp, khối văn phòng...; Mặc dù trong điều kiện nền kinh tế chung của cả nước tăng trưởng chậm, nhưng bằng nỗ lực cố gắng của ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, thu nhập bình quân đạt mức 7.200.000đ/người/tháng.

b) Phát huy truyền thống của đơn vị anh hùng, công ty luôn đặc biệt chú trọng và quan tâm lớn đến điều kiện làm việc, an toàn sức khỏe và phúc lợi của người lao động. Hàng năm, công ty tổ chức khám, chữa bệnh cho toàn thể CBCNV, do đặc kiểm tra, hoàn thiện cải tiến nhằm đảm bảo môi trường làm việc; đảm bảo chế độ ăn ca đủ lượng, đủ chất, an toàn thực phẩm, bồi dưỡng đặc học nhằm tái tạo sức lao động. Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc chế độ giờ giấc làm việc; bảo hộ lao động hàng năm; thực hiện đầy đủ và nghiêm ngặt trong an toàn lao động, an toàn PCCN; Các chế độ phúc lợi, BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện đầy đủ; Công ty cũng quan tâm tới đời sống văn hóa, tinh thần của CBCNV bằng việc khuyến khích và tạo điều kiện để người lao động tham gia thể thao, văn hóa ngoài giờ tập TT VHHT.

c) Nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm, công ty không ngừng cải tiến công nghệ, đào tạo về chuyên môn, kỹ năng của người lao động hàng năm trước khi vào vụ sản xuất; đào tạo về An toàn, vệ sinh lao động, PCCN; các lớp nâng cao kỹ năng chuyên ngành, kỹ năng ngoại ngữ...

- **Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, chương trình đào tạo bao gồm:** Đào tạo chuyên môn, tay nghề; đào tạo an toàn vệ sinh lao động, an toàn hóa chất, PCCN...; trung bình 70h/năm, chưa tính đào tạo thực tế kèm cặp tại chỗ.

- **Đối với nhân viên:** Kỹ thuật, kế toán, nghiệp vụ; tham gia các lớp do các đơn vị, tổ chức đào tạo; Trung bình 60h/năm.

- **Đối với cán bộ quản lý từ cấp Phó, trưởng đơn vị trở lên:** Tham gia các khóa đào tạo quản lý, chuyên môn theo yêu cầu thực tế.

- Trong xu thế hội nhập, người lao động trong Công ty ý thức được việc phải không ngừng học tập, rèn luyện kỹ năng để tự hoàn thiện mình; Do vậy mà Công ty đã liên tục tổ chức và cử cán bộ, nhân viên tham gia các lớp đào tạo kỹ năng: Quản trị doanh nghiệp, quản trị nhân sự, quản trị tinh gọn, kỹ năng bán hàng, kỹ năng ngoại ngữ, các lớp chuyên môn: Kế toán, thuế, xuất nhập khẩu, lương và chế độ đãi ngộ, quản lý năng lượng...

Thực hiện trách nhiệm xã hội góp phần giảm chi phí và tăng năng suất. Công ty đã tiết kiệm được chi phí sản xuất nhờ đầu tư, lắp đặt các thiết bị mới có hiệu quả cao hơn hoặc cao bởi vì Chi phí sản xuất và năng suất lao động phụ thuộc chặt chẽ vào hệ thống quản lý nhân sự. Chế độ lương, thưởng hợp lý, môi trường lao động sạch sẽ và an toàn, các cơ hội đào tạo và chế độ bảo hiểm y tế và giáo dục đều góp phần giảm tỷ lệ nhân viên nghỉ, bỏ việc, do đó giảm chi phí tuyển dụng và đào tạo nhân viên mới. Tất cả các đó góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động.

Thực hiện trách nhiệm xã hội góp phần thu hút nguồn lao động giỏi. Nguồn lao động giỏi, có năng lực là yếu tố quyết định năng suất và chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra đối với các doanh nghiệp là làm thế nào thu hút, giữ chân họ và phát huy hết khả

năng của họ trong hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, việc thu hút và giữ được nhân viên có chuyên môn tốt là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp. Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, những doanh nghiệp trả lương thỏa đáng và công bằng, tạo cho nhân viên cơ hội đào tạo, có chế độ bảo hiểm y tế và môi trường làm việc sạch sẽ có khả năng thu hút và giữ được nguồn nhân lực có chất lượng cao.

BÁO CÁO

LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong năm 2015 -2016, Công ty CP mía đường Lam Sơn tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ cộng đồng như:

- + Phụng dưỡng các Bà mẹ VNAH; Thăm tặng quà các hội người mù, trung tâm xã hội, các gia đình chính sách thương binh liệt sỹ.
- + Tặng quà cho Đồn Biên phòng Bát Mọt; Hỗ trợ Hội truyền thống bộ đội Trường Sơn, Hội Cựu Thanh niên xung phong với;
- + Đóng góp cùng với cả nước thực hiện chương trình Mái ấm Công đoàn và Xây dựng khu tưởng niệm chiến sĩ Gạc ma;
- + Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới bằng tiến mặt và phối hợp với địa phương triển khai các chương trình đầu tư giao thông nông thôn gắn với giao thông vùng mía;
- + Quỹ khuyến học Lam Sơn đã tổ chức trao thưởng khuyến học cho 267 học sinh vùng mía của 34 xã trong vùng mía đường Lam Sơn;
- + Ngoài ra Công ty cũng thường xuyên quan tâm, hỗ trợ các học sinh có hoàn cảnh khó khăn mồ côi cha mẹ tạo điều kiện để các em được đến trường; Hỗ trợ quỹ khuyến học Tỉnh Thanh Hóa tặng quà cho các em có thành tích xuất sắc trong học tập; Ủng hộ Năm du lịch Quốc gia của do Thanh hóa đăng cai tổ chức và Quỹ vì người nghèo.

Tổng số tiền thực hiện các chương trình xã hội, cộng đồng năm 2015-2016 của Công ty lên tới 1.229.000.000 đồng.





QUẢN TRỊ CÔNG TY 04

- 4.1. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM TÀI CHÍNH 2015 - 2016
- 4.2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM TÀI CHÍNH 2015 - 2016
- 4.3. CÁC GIAO DỊCH - THỪ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT - BAN ĐIỀU HÀNH - BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NĂM TÀI CHÍNH 2015 - 2016

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM TÀI CHÍNH 2015-2016

1. BỐI CẢNH

Công ty thực hiện nhiệm vụ năm tài chính 2015-2016 trong xu hướng đi xuống của kinh tế toàn cầu. Thế giới đối mặt với nhiều rủi ro lớn từ xung đột, khủng bố, dịch bệnh, căng thẳng Biển Đông..... Trong nước, vẫn có nhiều khó khăn thách thức với doanh nghiệp về cơ chế chính sách, môi trường kinh tế vĩ mô, biến đổi khí hậu phức tạp, nhiều thách thức, rất đặm, rét hại, hạn hán, lũ lụt, gây khó khăn cho nông nghiệp.

Thuận lợi cơ bản nhất của năm tài chính là giá đường khá vững vàng và Công ty đã chú trọng tập trung vào công tác thương mại, XNK. Nhiều hoạt động đối ngoại liên kết trong năm đã đạt vị thế của Lasuco không ngừng lớn mạnh. Năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 35 hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, như lời khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của doanh nghiệp.

Dự báo được tình hình chủ động khắc phục khó khăn, tranh thủ thuận lợi HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã tập trung chỉ đạo, cùng sự cố gắng nỗ lực của đội ngũ cán bộ quản lý và toàn thể CBCNV kết quả SXKD của Công ty đã hoàn thành vượt mức KH mà ĐHCĐ giao.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ NĂM 2015

- Về thực hiện chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch 2015-2016

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ (%)
Tổng doanh thu (có VAT)	Triệu đồng	1.800.000	1.897.548	105,42
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.718.000	1.804.721	105,05
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	100.000	102.769	102,77
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	78.000	89.172	114,32
Lãi cơ bản/cổ phiếu	Đồng	1.114	1.274	114,36
Cổ tức	%	8,5	8,5%	100,00
Nộp ngân sách	Triệu đồng	90.000	67.111	75,57

3. CÁC PHIÊN HỌP HĐQT, CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Từ Đại hội (15/11/2015) đến nay, HĐQT đã họp 4 phiên định kỳ mỗi quý một lần và các phiên bất thường để triển khai NQHĐCĐ. Tại các kỳ họp các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Nội dung các phiên họp định kỳ: đánh giá kết quả thực hiện NQ ĐHCĐ thường niên và NQHĐQT quy trước, đồng thời xác định kế hoạch, nhiệm vụ, của quý tới.

Trong năm HĐQT đã ban hành 20 nghị quyết. Trong đó, có 4 NQ kỳ họp định kỳ và các nghị quyết giữa hai kỳ họp liên quan đến: Chuyển đổi năm tài chính và sửa đổi điều lệ; Mua cổ phần chi phối Công ty CP Mía Đường Nông Công, Công ty Thành An; TCT Mía Đường t Bổ nhiệm 2 Phó TGD Công ty; Phê duyệt bổ sung xây dựng 5 ha nhà kính, nhà lưới; Chốt danh sách cổ đông ĐHCĐ bất thường 2015 và chi trả cổ tức 2014; chuyển Công ty TNHH Cơ giới NN Lam Sơn thành XN hạch toán phụ thuộc; Việc vay nợ ngân hàng; Việc thanh lý một số khoản đầu tư tài chính và cơ cấu lại vốn đầu tư tại các công ty thành viên, công ty liên kết; Kiến toàn lại tổ chức nhân sự tại công ty CP Đường Nông Công và một số đơn vị thành viên. Để triển khai NQ ĐHCĐ và NQ HĐQT, HĐQT đã ban hành 137 quyết định, liên quan đến tái cấu trúc đơn vị thành viên; Bổ nhiệm cán bộ; Giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị; Quyết định đào tạo, bổ nhiệm cán bộ; phê duyệt các dự án, các thủ tục triển khai dự án.

Trong năm HĐQT tập trung chỉ đạo cùng Ban điều hành và các cán bộ quản lý tập trung cao cho vụ sản xuất mía đường 2015-2016; Tổng kết sản xuất và công tác nguyên liệu, tiếp tục triển khai các giải pháp "Dự án Lâm mới lấy cây mía và hạt đường Lam Sơn" đặc biệt khâu giống, khâu cơ giới hóa đồng bộ, tiếp tục nhân thêm các mô hình thâm canh tăng năng suất tại các địa phương; Tổ chức tốt các sự kiện trong năm tài chính; Tiếp tục triển khai các dự án mới NN/CNC, Lúa gạo, Tre luồng; Chỉ đạo sát sao công tác thương mại, tài chính, tranh thủ các nguồn vốn có lãi suất thấp phục vụ SXKD và đầu tư dự án.

Đặc biệt tiếp tục quan tâm quan hệ đối ngoại, gắn kết với lực lượng mới, liên kết phát triển; Rà soát đánh giá tình hình thực hiện và khả năng thực hiện kế hoạch năm 2015-2016 có giải pháp kịp thời thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ; Định hướng mục tiêu kế hoạch 2016-2017 và mục tiêu chiến lược phát triển đến năm 2020.

4. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ

Ưu điểm: Trong quá trình tổ chức điều hành, Ban điều hành cũng đã thực hiện tương đối tốt các quy định của pháp luật và của Công ty. Cán bộ NQ ĐHCĐ, NQ HĐQT, Quy chế quản trị Công ty và nguồn nhân lực. Ban Tổng giám đốc phân công để thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch được giao. Kết quả hoạt động SXKD năm tài chính 2015-2016 được báo cáo tại Đại hội lần này thể hiện Ban điều hành là có rất nhiều cố gắng và nỗ lực khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Nhược điểm, hạn chế: việc thực hiện một số công việc kể cả SXKD và triển khai các dự án chưa theo kịp kế hoạch, mục tiêu, yêu cầu của HĐQT; Công tác triển khai thủ tục, hồ sơ dự án chưa chi tiết, công ty đồng. Việc thực hiện các chính sách ưu đãi của Nhà nước còn chậm; việc phân cấp, phân quyền hạn - trách nhiệm một số lĩnh vực chưa rõ ràng.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM TÀI CHÍNH 2016-2017

1. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2016-2017

1.1. Đặc điểm tình hình và mục tiêu tổng quát

Bước vào thời kỳ hội nhập rất nhiều thách thức, năm 2018 hiệp định TPP có hiệu lực, ngành Mía Đường xóa bỏ hàng rào thuế quan, thách thức định ra áp lực cao cho năm tài chính 2016-2017. Năm 2016-2017 là năm quyết định cho hội nhập, trong khi hiện nay nguồn lực của Công ty vẫn còn hạn chế. Do đó năm tài chính này chúng ta cần tạo ra một bước tăng trưởng bất phá mang tính quyết định: vừa thực hiện tốt mục tiêu kế hoạch SXKD của năm, vừa tạo điều kiện vững chắc để từ năm 2018 Lasuco sản sinh hội nhập.

DHDCĐ lần này, ngoài các nhiệm vụ như đại hội thường niên còn có nhiệm vụ bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2021. Năm 2016-2017 sẽ kiện toàn lại bộ máy Ban điều hành, rà soát đánh giá lại các nguồn lực của Công ty về Nhân lực, Tài chính, vùng nguyên liệu, các dự án mới, cơ chế chính sách, đồng thời thực hiện kiên định các mục tiêu và giải pháp mang tính chiến lược đã đề ra tạo một bước bứt phá, chuẩn bị thật vững chắc cho giai đoạn hội nhập sâu từ năm 2018. Một số chỉ tiêu chủ yếu năm tài chính 2016-2017:

Doanh thu có VAT: 2.150 tỷ đồng tăng 13,3% so với năm 2015-2016;

Lợi nhuận trước thuế 120 tỷ đồng, tăng 16,5% so với năm trước; Nộp ngân sách 90 tỷ đồng, tăng 34%; Cổ tức 10%; tăng 17,65% so với năm 2015-2016.

Quý IV.2016 và Quý I.2017 (Quý II và Quý III năm tài chính 2016-2017) rất quan trọng, quyết định việc hoàn thành kế hoạch năm 2016-2017 hay không? Vì vậy phải tập trung cao chỉ đạo vụ ép 2016-2017 (dự kiến từ 20/1/2016 đến 31/3/2017) và gắn với trồng mới trên 4.000 ha mía vụ 2017-2018 theo phương thức công nghệ cao, thâm canh tăng năng suất. Quyết tâm tổ chức một vụ ép mẫu mực từ thu hoạch, vận tải, chế biến và tổ chức xuất nhập khẩu thương mại. Chuẩn bị khối lượng hàng hóa thực phẩm sạch NNCNC phục vụ tết Đỉnh Đụ 2017.

1.2. Chương trình và giải pháp trọng tâm năm 2016-2017

* Chương trình mía đường

- Nguyên liệu: Chăm sóc, thu hoạch vụ 2015-2016 đạt 850.000 tấn mía có chất lượng cao, CCS từ 10 trở lên, mua và nhập đường để luyện tối thiểu 10.000 tấn.

Tổ chức thu hoạch vận chuyển mía tươi, mía sạch đảm bảo tiêu chuẩn và yêu cầu của sản xuất; Đồng thời tổ chức trồng mới, chăm sóc vụ tới, mục tiêu vụ 2017-2018 phải đạt sản lượng 950.000 tấn mía, CCS bình quân đạt 10,5 trở lên. Thực hiện đồng bộ 5 giải pháp đã đề ra trong Dự án "Làm mới lại cây mía và hạt giống Lam Sơn". Rà soát để chỉnh sửa chính sách giá mía và chính sách đầu tư từ nay đến 2020 vừa kết thừa chính sách hiện có và vừa bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình mới.

- Chế luyện: Sử dụng, khai thác có hiệu quả thiết bị, công nghệ hiện sản xuất đường, điện đảm bảo mục tiêu về cơ cấu, chất lượng, sản lượng theo yêu cầu của thị trường và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt ra, an toàn sản xuất, tiết kiệm triệ để chi phí sản xuất.

* Chương trình nông nghiệp Công nghệ cao:

Nhiệm vụ trọng tâm là tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả "Dự án phát triển giống mía"

với lợi trình: Vụ 2017 - 2018 sản xuất giống nuôi cấy mô sạch bệnh cung cấp giống trồng 1000 ha mía; 2018 - 2019 đạt 2.000 ha và từ 2019 - 2020 >=3.000 ha; từ 2021 trở đi đạt ít nhất 4.000 ha. Đồng thời ứng dụng công nghệ cao tạo mặt hàng có giá trị cao gắn với xây dựng thương hiệu, đưa các mặt hàng NNCNC đáp ứng thị trường trong nước và chuẩn bị cho xuất khẩu vào năm 2017. Đưa doanh nghiệp khoa học công nghệ hoạt động có hiệu quả, trước hết là phải hoàn thành mục tiêu kế hoạch SXKD năm tài chính 2016-2017.

* Chương trình lúa gạo

Đây là chương trình chủ lực trong tương lai, năm tài chính này chúng ta hoàn thành xây dựng phương án sản xuất lúa gạo hữu cơ trở thành ngành sản xuất ổn định, lâu dài có hiệu quả cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng thương mại, thị trường hướng đến xuất khẩu.

Đồng thời, năm 2015-2016 tiếp tục sản xuất gạo theo Quy trình SRI, SRI2 trên tổng diện tích 183 ha và lựa chọn tiếp nhận một số cánh đồng lớn tại TP Thanh Hóa và Huyện Thọ Xuân chuẩn bị mở rộng sản xuất. Khuyến khích các hộ nông dân lớn, các hợp tác xã xây dựng nông cảnh đồng lớn, tổ chức sản xuất theo quy trình công nghệ sạch và thu mua sản phẩm cho nông dân. Từng bước thực hiện chiến lược ngành lúa gạo sạch của Công ty.

* Chương trình tre luồng

Thực đẩy dự án tre luồng, xây dựng vùng nguyên liệu ổn định lâu dài, hoàn thành Dự án khả thi Tre ép Công nghiệp và chuẩn bị đầy đủ điều kiện để khởi công xây dựng năm 2017. Tập trung cho dự án công viên tre trúc, phấn đấu năm 2017-2018 hoàn thành đũa vào khai thác.

* Chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu kế hoạch 2016-2017 và chiến lược phát triển đến năm 2020, thị việc xây dựng và đổi mới nguồn nhân lực là yếu tố quyết định. Do đó năm 2016-2017 phải rà soát xét và đánh giá lại nguồn nhân lực từ cấp chiến lược đến cấp điều hành và thực hành. Xây dựng đội ngũ những người lao động chuyên sâu hơn, giỏi tay nghề, có kiến thức, học vấn, đồng thời tinh giản bớt lực lượng lao động. Hoàn thành đề án chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Lasuco đến năm 2020, đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu, có thái độ làm việc tốt, gắn bó với Công ty. Củng cố và xây dựng được một đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý dựa ngành sản phẩm công việc, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, có uy tín, tập hợp được sức mạnh tập thể CBCN; Hoàn thiện cơ chế chính sách tiền lương, tiền thưởng, đãi ngộ (phúc lợi, ESOP có phiếu cho CBCNV)...

* Chương trình giải pháp về thị trường:

Giai đoạn tới, để đảm bảo triển khai các dự án trọng tâm và vẫn còn mới mẻ, công tác thương mại thị trường phải được quan tâm đặc biệt, về nguồn nhân lực và ngân sách đảm bảo phát triển thương hiệu sản phẩm mới theo chiến lược của Công ty. Năm tài chính 2016-2017 chúng ta phải làm quyết liệt khôi phục lại hệ thống thương mại ở các tỉnh thành phố. Trước hết ở phía Miền Bắc và một số tỉnh trong yếu ở Miền Nam. Hướng đến thị trường xuất khẩu cho cả lúa gạo & nông sản thực phẩm sạch.

* Chương trình giải pháp về tài chính:

Với mục tiêu khai thác và quản lý tốt vốn đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng nhanh vòng quay vốn. Đồng thời có phương án huy động vốn bằng phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu đảm bảo nguồn vốn đầu tư cho các dự án chiến lược theo tiến độ; Hoàn thành báo cáo khả thi dự án, phương án nguồn vốn bố trí đầu tư dự án, tiến độ dự án; Tranh thủ được các vốn vay ưu đãi, các nguồn vốn tín dụng có lãi suất thấp và an toàn; Xếp lại các đơn vị phòng ban, đổi mới quản lý tài chính theo hướng tách chức năng tài chính và chức năng kế toán độc lập; Phân cấp, phân quyền về tài chính và nâng cao trách nhiệm của các đơn vị thành viên. Đưa các Công ty thành viên hoạt động có hiệu quả hơn gắn với trách nhiệm và quyền lợi, giao kế hoạch hiệu quả theo tỷ suất sinh lời trên vốn và tài sản của đơn vị.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016-2017

Đại hội đồng cổ đông lần này là kết thúc nhiệm kỳ HĐQT 2011-2016 và bầu HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021. Căn cứ quy định Luật Doanh nghiệp 2015 và Điều lệ Công ty, các phiên họp định kỳ của HĐQT giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ năm tài chính 2016-2017 sẽ bao gồm:

Phiên thứ 01, nhiệm kỳ V (quý IV.2016), dự kiến ngay sau ĐHĐCĐ để bầu các chức danh trong HĐQT và phân công nhiệm vụ; Kiện toán lại bộ máy Ban điều hành và bổ nhiệm cán bộ quản lý.

Phiên thứ 2, dự kiến từ 10-15/1/2017: HĐQT đã đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý IV và 6 tháng đầu năm tài chính 2016-2017, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp Quý III và 6 tháng cuối năm tài chính.

Phiên thứ 3, Quý II.2017, dự kiến từ 10-15 tháng 4/2017: HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý III và 9 tháng đầu năm tài chính, phương hướng nhiệm vụ, giải pháp Quý IV và một số định hướng cho năm tài chính tiếp theo.

Phiên thứ 4, Quý III. 2017, dự kiến từ 10-15/7/2017: HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý IV và năm tài chính 2016-2017, thông qua kế hoạch SXKD năm tài chính 2017-2018 và nhiệm vụ Quý I năm tài chính, thông qua Kế hoạch và tài liệu Đại hội đồng cổ đông năm 2017-2018.

Quý II năm tài chính mới (Quý IV.2016) HĐQT thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau: triển khai NQ ĐHĐCĐ năm 2016; kiện toán lại bộ máy điều hành; xây dựng chương trình hoạt động của toàn nhiệm kỳ; chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị các điều kiện tốt nhất cho vụ sản xuất 2016-2017 về nguyên liệu, máy móc thiết bị và nhân lực; Tiếp tục triển khai các dự án mới theo kế hoạch (DA NNCNC, Tre lưỡng, Lúa gạo), hoàn thành các báo cáo khả thi, tiến khả thi; Nghiên cứu một số dự án có tiềm năng; Hoàn thành xây dựng chiến lược thị trường, thương mại, bộ nhận diện thương hiệu; Rà soát hoạt động của các đơn vị thành viên, đánh giá hiệu quả hoạt động, nghiên cứu tái cấu trúc ở một số đơn vị về vốn đầu tư, tài chính, nhân sự, chiến lược và kế hoạch phát triển giai đoạn 2016-2020 đồng bộ với kế hoạch, chiến lược phát triển của Lasuco. Đặc biệt quan tâm đến Công ty TNHH Trung tâm NC & Phát triển NNCNC Lam Sơn vận hành có hiệu quả, thúc đẩy hoàn thành kế hoạch năm 2016-2017.

HOẠT ĐỘNG

BAN KIỂM SOÁT NĂM TÀI CHÍNH 2015 - 2016

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban kiểm soát (BKS) Công ty gồm 03 thành viên. Trong năm tài chính 2015-2016, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ với nội dung: Đánh giá công tác kiểm soát trong quý; Thông qua các báo cáo kiểm tra theo chuyên đề đã thực hiện trong quý, Báo cáo của Ban kiểm soát tại kỳ họp HĐQT hàng quý; Và xây dựng kế hoạch của BKS cho quý tiếp theo. Các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công; tham gia đầy đủ các phiên họp của Ban kiểm soát và các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty.

Năm tài chính 2015-2016, Ban Kiểm soát đã đặt ra mục tiêu, kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trên một số lĩnh vực trọng yếu sau:

- Giám sát các hoạt động của Ban điều hành Công ty và các đơn vị thành viên trong việc thực hiện Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ năm tài chính 2015-2016 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), tài chính Công ty trong năm tài chính.

- Tiến hành đánh giá tình hình lý số liệu trên Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm để kịp thời cập nhật thông tin phục vụ cho hoạt động kiểm soát; xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu liên quan đến công tác kế toán;

- Xem xét các báo cáo của Kiểm toán độc lập, và đưa ra kiến nghị của mình trước khi báo cáo kiểm toán được ban hành; Đề ra các biện pháp phù hợp cho Ban điều hành các cấp khác phục; Đồng thời giám sát các đơn vị trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán và Ban kiểm soát đưa ra.

- Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch và triển khai các kế hoạch giám sát theo chuyên đề như: Kiểm tra tình tuân thủ trong việc thực hiện các quy chế, quy trình, nội quy của Công ty ở các đơn vị, phòng ban; Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động của một số phòng ban chức năng, các xí nghiệp nguyên liệu và Công ty con. Phối hợp với các phòng ban đơn vị trong việc triển khai kiểm tra, giám sát một số chương trình theo đề nghị của HĐQT và Ban điều hành.

Về công tác giám sát quản lý và điều hành Công ty:

Đối với Hội đồng quản trị:

Năm 2015, HĐQT đã triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 đề ra.

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo đúng quy định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm.

- HĐQT đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT

ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm tài chính 2015-2016, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

- Phê duyệt phương án đầu tư tài chính, phương án kinh doanh, Phương án đầu tư và các dự án đầu tư cơ bản thực hiện đúng quy trình đầu tư và Điều lệ Công ty quy định; phê duyệt mua sắm tài sản cố định
- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phối hợp cùng với Ban điều hành đã chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015-2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Đối với Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý:

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch được giao khoán với các chỉ tiêu cụ thể đến từng đơn vị, bộ phận, tổ sản xuất. Tăng cường ý thức và trách nhiệm đến từng người lao động. Ban điều hành Công ty đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu quan trọng: sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức... theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường chuyển đổi năm tài chính 2015 thông qua và đạt mức tăng trưởng cao so kỳ kế toán 6 tháng năm 2015.

- Công tác tài chính: Quản lý chặt chẽ công nợ, cơ cấu tài và giám các khoản vay ngân hàng, đảm bảo nguồn tài chính phục vụ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh.

- Về công tác tổ chức và nhân sự: Ban điều hành tiếp tục thực hiện giải pháp sắp xếp cơ cấu lao động ở các khu vực sản xuất nhằm ổn định nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông Công ty:

- Mọi quan hệ giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty được duy trì dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình điều hành.

- Các thành viên Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động SXKD của Công ty, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc; được mời tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT; Trường Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc của HĐQT với Ban điều hành và các đơn vị; Và các cuộc họp triển khai nhiệm vụ của Ban điều hành. Từ đó, thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc tiếp cận, nắm bắt thông tin, tình hình hoạt động Công ty và các đơn vị thành viên; cũng như trao đổi, tham gia cùng HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị điều hành.

Đối với cổ đông: Giữ hai kỳ đại hội, BKS chưa nhận được yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

Định hướng hoạt động năm tài chính 2016-2017

Nhằm thực hiện tốt các mục tiêu năm tài chính 2016-2017, xây dựng chiến lược phát triển của LASUCO và các đơn vị thành viên và cấp nhật, điều chỉnh kịp thời trong hoạt động kinh doanh, cũng như đầu tư các dự án góp phần mang lại hiệu quả trong hoạt động SXKD, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển ngày càng bền vững; BKS tiếp tục phát huy những mặt đã làm được, phấn đấu thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được quy định:

- Giám sát tình hình hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.
- Kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- Định kỳ thẩm tra tình trung thực của báo cáo tài chính quý, năm.
- Tư vấn cho Hội đồng Quản trị các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản; nắm bắt các cơ chế, chính sách ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng và triển khai các chương trình kiểm tra, giám sát đối với một số lĩnh vực cụ thể và các yêu cầu đột xuất khác của cổ đông.
- Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Lương - thưởng - thù lao và các khoản lợi ích

Họ tên	Lương		Thù lao		Tổng cộng	
	Tỷ lệ	Thành tiền(đ)	Tỷ lệ	Thành tiền(đ)	Tỷ lệ	Thành tiền(đ)
Hội đồng quản trị		1.275.834.593		588.000.000		1.863.834.593
Ông Lê Văn Tâm	83%	888.057.459		180.000.000	100%	1.068.057.459
Bà Lê Thị Tiến	76%	387.777.134		120.000.000	100%	507.777.134
Ông Phùng Thanh Hải				96.000.000	100%	96.000.000
Ông Lê Đình Trường				96.000.000	100%	96.000.000
Ông Lê Trọng Hải				96.000.000	100%	96.000.000
Ban Kiểm Soát		388.501.884		240.000.000		628.501.884
Ông Lê Văn Quang	67%	249.273.905		120.000.000	100%	369.273.905
Ông Đỗ Văn Mạnh	69%	139.227.979		60.000.000	100%	199.227.979
Bà Lê Thị Tinh				60.000.000	100%	60.000.000
Tổng cộng		1.664.336.477		828.000.000		2.492.336.477

2. Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS

STT	KHOẢN MỤC	TH năm 2014	TH 6 tháng 2015	TH năm TC 2015 - 2016
1	Chi phí HĐQT, BKS			
1	Tiền lương và các khoản có tính chất lương	1.796.423.454	962.067.084	1.664.336.478
-	Tiền lương	1.796.423.454	962.067.084	1.664.336.478
2	Chi phí vật liệu quản lý	28.175.000	35.394.779	82.028.071
3	Chi phí đồ dùng văn phòng, BHLD	11.855.447	18.856.581	14.523.264
4	Khấu hao TSCĐ quản lý	736.820.089	360.410.045	720.820.090
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	291.179.868	280.995.834	217.459.709
-	Điện thoại, Internet	38.187.110	19.187.371	60.538.701
-	Xăng dầu xe con công tác	181.450.485	84.086.403	106.805.008
-	Chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ	71.542.273	177.722.000	50.116.000
6	Chi phí quản lý bằng tiền khác	1.030.463.981	501.619.269	1.583.357.060
-	Chi phí hội nghị, hội thảo	14.080.000	-	-
-	Chi phí tiếp khách, giao dịch	31.787.701	15.828.295	46.227.900
-	Chi phí công tác	66.796.286	54.496.974	653.129.160
-	Chi phí thuê lao HĐQT, BKS	886.000.000	414.000.000	828.000.000
-	Chi phí hợp HĐQT	31.800.000	17.300.000	56.000.000
	Tổng cộng	3.894.917.839	2.159.343.592	4.282.524.672
	Doanh thu có VAT	1.618.718.618.281	704.476.449.260	1.897.547.564.307
II	Theo Nghị quyết BHKĐCĐ			
-	Thu lao, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS (0,4% Doanh thu có VAT)	6.474.874.473	2.817.905.797	7.590.190.257
III	Tiết kiệm chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	2.579.956.634	658.562.205	3.307.665.585

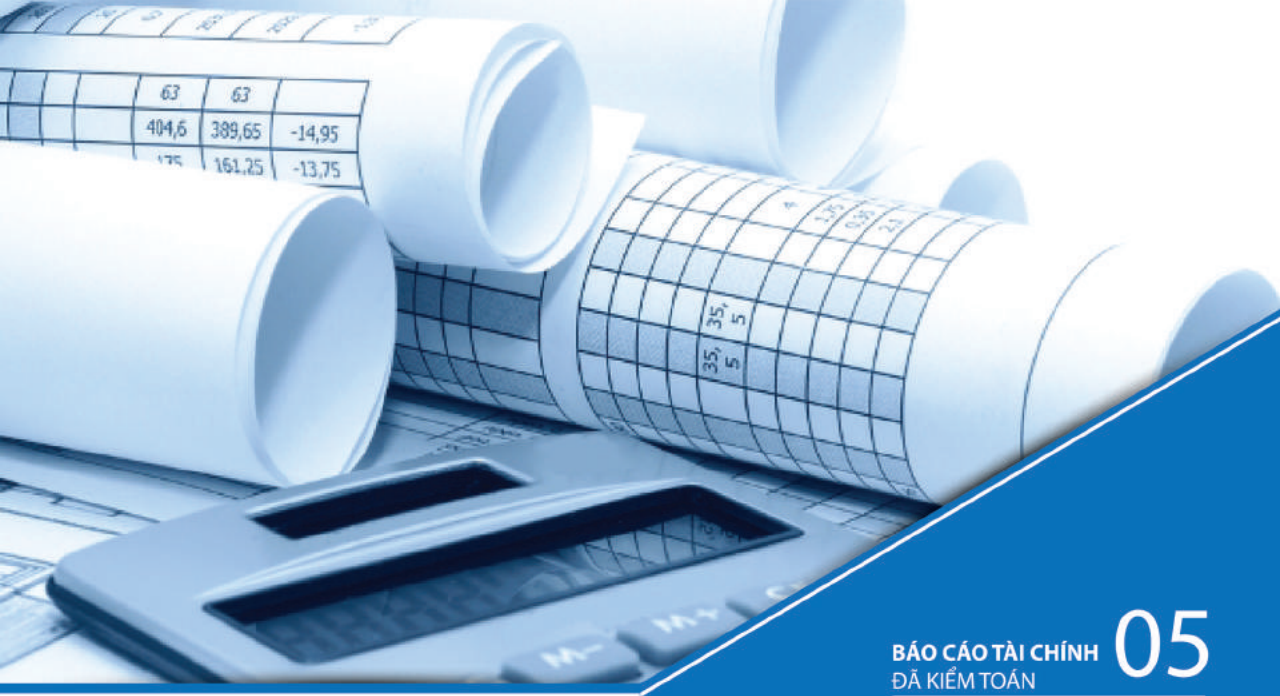
3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu số hiệu đầu kỳ		Số cổ phiếu số hiệu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
	Lê Văn Tâm	Chủ tịch HĐQT	1.480.500	2,1%	1.836.580	2,62%	Tăng do mua thêm
	Lê Trung Thành	Phó TGD	1.927.152	2,75%	27.152	0,038%	Giảm do bán ra thị trường
	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Vụ Phó TGD	1.481.605	2,11%	5	0%	Giảm do bán ra thị trường
	Lê Thị Phương Thảo	Con gái PTGD	2.419.365	3,45%	0	0%	Giảm do bán ra thị trường
	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Tân Thành Đạt	Tổ chức có liên quan	2.896.024	4,13%	0	0%	Giảm do bán ra thị trường

4. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

TT	Tên tổ chức cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH ngày cấp, nơi cấp	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau giao dịch	Ghi chú
	Công ty cổ phần mía đường Nông Công (Nosuco)	TC liên quan với người nội bộ	Số DKSH 2000492925 cấp ngày 03/02/2016 tại Thanh Hóa	Số lượng 1.180.000 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ 56,61%	Nosuco trở thành công ty con của LASUCO

5. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN

05

CHUẨN MỰC - MINH BẠCH - TIN CẬY

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG CỦA CÔNG TY ME

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Lê Đình Trường	Thành viên
Ông Lê Trọng Bài	Thành viên
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Trưởng Ban
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 1 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 1 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc





Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

Số tham chiếu: 61060845/18027608

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”), được lập ngày 22 tháng 9 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đó và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 22 tháng 9 năm 2016 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Vấn đề khác

Các dữ liệu tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, cũng như trên các thuyết minh báo cáo tài chính riêng có liên quan, chưa được kiểm toán.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		932.435.161.773	992.936.279.167
110	I. Tiền	4	21.642.694.837	15.558.653.641
111	1. Tiền		21.642.694.837	15.558.653.641
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		374.163.475.042	591.676.412.398
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	104.552.343.087	93.402.822.442
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	186.008.276.343	361.612.913.871
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	69.315.831.243	79.866.967.860
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	21.489.345.134	58.089.775.363
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.3	(7.202.320.765)	(1.296.067.138)
140	III. Hàng tồn kho	8	535.870.922.152	372.850.647.510
141	1. Hàng tồn kho		535.870.922.152	372.850.647.510
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		758.069.742	12.850.565.618
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	758.069.742	12.850.565.618
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.588.106.014.917	1.447.720.137.765
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	2.105.776.077
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	2.105.776.077
220	II. Tài sản cố định		1.370.010.392.871	1.233.474.842.123
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.352.115.090.143	1.227.187.949.250
222	Nguyên giá		2.623.398.045.761	2.351.026.629.909
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.271.282.955.618)	(1.123.838.680.659)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	17.895.302.728	6.286.892.873
228	Nguyên giá		27.162.779.249	14.750.860.332
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.267.476.521)	(8.463.967.459)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		57.909.347.582	81.844.391.820
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	57.909.347.582	81.844.391.820
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	123.181.921.223	99.876.753.503
251	1. Đầu tư vào công ty con		94.506.593.886	70.967.611.048
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		47.033.790.000	47.033.790.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.490.700.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(33.609.608.463)	(33.615.347.545)
260	V. Tài sản dài hạn khác		37.004.353.241	30.418.374.242
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	34.312.891.200	27.649.777.746
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		2.691.462.041	2.768.596.496
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.520.541.176.690	2.440.656.416.932

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		920.003.773.532	960.677.191.126
310	I. Nợ ngắn hạn		788.619.680.194	907.090.400.953
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	57.053.332.078	32.450.414.108
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	101.095.446.250	8.900.764.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.600.756.027	6.471.593.803
314	4. Phải trả người lao động		6.321.754.336	4.321.698.461
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	16.991.123.468	31.262.942.080
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	10.813.025.694	20.262.762.010
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	568.172.817.788	734.103.709.294
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	21.571.424.553	69.316.517.197
330	II. Nợ dài hạn		131.384.093.338	53.586.790.173
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	16.720.591.150	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	56.830.000.000	-
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	57.833.502.188	53.586.790.173
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.600.537.403.158	1.479.979.225.806
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.556.556.598.749	1.479.345.917.549
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.176.411.784	180.176.411.784
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		551.866.229.432	565.360.841.491
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		124.513.957.533	33.808.664.274
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		35.342.180.229	20.001.970.576
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		89.171.777.304	13.806.693.698
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		43.980.804.409	633.308.257
431	1. Nguồn kinh phí	22.1	3.909.335.593	549.973.593
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành thành TSCĐ	22.2	40.071.468.816	83.334.664
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.520.541.176.690	2.440.656.416.932





Người lập
Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam
Ngày 22 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.804.721.265.048	1.482.325.397.675
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	702.144.900
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	24.1	1.804.721.265.048	1.481.623.252.775
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.570.750.637.039	1.331.300.205.809
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		233.970.628.009	150.323.046.966
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	15.830.464.886	4.188.229.194
22	7. Chi phí tài chính	26	45.484.947.083	39.500.537.071
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		37.173.284.811	36.250.139.965
25	8. Chi phí bán hàng	27	39.798.122.051	32.673.565.769
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	54.694.200.027	32.636.079.249
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		109.823.823.734	49.701.094.071
31	11. Thu nhập khác	28	1.101.747.957	5.344.616.415
32	12. Chi phí khác	28	8.156.577.926	6.777.969.579
40	13. Lỗ khác [40 = 31 - 32]	28	(7.054.829.969)	(1.433.353.164)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		102.768.993.765	48.267.740.907
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	13.597.216.461	10.983.119.007
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		89.171.777.304	37.284.621.900

Người lập
Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		102.768.993.765	48.267.740.907
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		133.332.974.522	108.253.491.288
03	Các khoản dự phòng		5.771.187.280	2.842.340.610
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		132.163.487	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.887.193.599)	(4.075.135.356)
06	Chi phí lãi vay	26	37.173.284.811	36.250.139.965
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		271.291.410.266	191.538.577.414
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		192.651.651.715	(112.539.960.466)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(160.949.478.480)	75.538.424.661
11	Tăng các khoản phải trả		32.716.019.985	22.418.115.002
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		5.686.230.145	(4.087.055.278)
14	Tiền lãi vay đã trả		(36.653.620.072)	(55.116.230.985)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30	(13.257.818.588)	(16.819.665.886)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.596.550.000	4.055.908.914
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.006.097.278)	(2.775.123.894)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		289.074.847.693	102.212.989.482
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(158.474.643.670)	(248.020.806.185)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(69.500.637.783)	(89.926.012.844)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		80.051.774.400	10.059.044.984
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(128.641.895.074)	(6.536.200.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		97.390.401.300	30.606.078.800
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.417.811.812	4.075.135.356
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(163.757.189.015)	(299.742.759.889)

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Lê Đình Trường	Thành viên
Ông Lê Trọng Bài	Thành viên
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Trưởng ban
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 1 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 1 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:




- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

Số tham chiếu: 61060845/18027608 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”) được lập ngày 22 tháng 9 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 55, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Các dữ liệu tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, cũng như trên các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan, chưa được kiểm toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Trịnh Xuân Hòa

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.101.425.586.818	1.001.771.385.932
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	44.371.716.087	31.413.136.915
111	1. Tiền		31.828.382.787	19.413.136.915
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.543.333.300	12.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		342.294.517.131	502.579.924.686
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	130.541.241.046	103.605.409.713
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	142.930.606.127	345.430.457.069
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	56.451.095.570	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	29.291.340.093	56.531.483.818
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(16.919.765.705)	(4.566.887.648)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	1.579.461.734
140	IV. Hàng tồn kho	9	708.243.599.122	454.557.709.883
141	1. Hàng tồn kho		711.007.979.932	454.567.201.383
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.764.380.810)	(9.491.500)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.515.754.478	13.220.614.448
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.380.858.350	12.958.296.391
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	7.182.381
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.134.896.128	255.135.676

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.603.075.277.270	1.444.137.768.195
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.342.339.237	14.739.620
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	4.092.401.544	37.239.620
216	2. Phải thu dài hạn khác		1.272.437.693	-
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(22.500.000)	(22.500.000)
220	II. Tài sản cố định		1.432.502.030.190	1.275.549.829.923
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.408.839.135.742	1.264.583.793.663
222	Nguyên giá		2.979.265.124.259	2.447.253.394.905
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.570.425.988.517)	(1.182.669.601.242)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	23.662.894.448	10.966.036.260
228	Nguyên giá		33.683.481.590	19.477.267.795
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.020.587.142)	(8.511.231.535)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		72.590.808.031	96.963.449.493
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	72.590.808.031	96.963.449.493
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	33.789.547.388	35.101.683.506
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		18.538.401.588	19.610.983.506
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.490.700.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		58.850.552.424	36.508.065.653
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	50.545.801.356	33.349.800.018
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	5.613.289.027	389.669.139
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		2.691.462.041	2.768.596.496
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.704.500.864.088	2.445.909.154.127

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.071.279.863.832	967.356.717.277
310	I. Nợ ngắn hạn		937.417.611.526	912.511.496.199
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	55.667.222.604	33.317.573.822
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	116.222.690.612	8.987.931.340
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.865.896.928	6.670.209.449
314	4. Phải trả người lao động		9.820.517.627	7.214.509.567
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	22.697.854.443	32.893.080.752
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	11.098.252.142	17.730.478.547
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	689.673.771.479	734.103.709.294
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	24.371.405.691	71.594.003.428
330	II. Nợ dài hạn		133.862.252.306	54.845.221.078
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		849.231.858	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	10.060.855.983	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	64.990.000.000	-
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	57.962.164.465	54.845.221.078
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.633.221.000.256	1.478.552.436.850
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.589.240.195.847	1.477.919.128.593
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	22.1	700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	180.176.411.784	180.176.411.784
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	568.026.596.583	580.895.153.393
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22.1	133.182.845	133.182.845
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	115.289.865.814	16.287.017.797
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		18.906.648.220	852.220.800
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		96.383.217.594	15.434.796.997
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	25.614.138.821	427.362.774
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		43.980.804.409	633.308.257
431	1. Nguồn kinh phí	24.1	3.909.335.593	549.973.593
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	24.2	40.071.468.816	83.334.664
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.704.500.864.088	2.445.909.154.127

Người lập
Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016




Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	2.010.303.955.884	1.637.747.887.516
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	1.059.758.649
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	26.1	2.010.303.955.884	1.636.688.128.867
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	1.734.000.105.691	1.466.226.204.612
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		276.303.850.193	170.461.924.255
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	13.734.720.603	4.335.345.515
22 23	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	28	44.413.053.516 41.109.240.410	45.896.607.324 44.982.781.731
24	8. Phần (lỗ)/lợi nhuận từ công ty liên kết	13.1	(1.072.581.918)	241.840.762
25	9. Chi phí bán hàng	29	49.329.064.504	39.421.328.818
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	72.086.476.755	48.656.599.820
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		123.137.394.103	41.064.574.570
31	12. Thu nhập khác	30	2.255.390.844	6.023.293.092
32	13. Chi phí khác	30	8.409.449.204	7.649.184.123
40	14. Lỗ khác [40 = 31 - 32]	30	(6.154.058.360)	(1.625.891.031)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		116.983.335.743	39.438.683.539
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	14.592.947.996	10.932.521.469
52	17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	32.3	389.669.139	(55.184.003)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		102.000.718.608	28.561.346.073
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		98.383.217.594	33.643.779.047
62	20. Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	23	3.617.501.014	(5.082.432.974)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.405	491
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34	1.405	491

Người lập: Đỗ Thị Thanh Hà Kế toán trưởng: Lê Thị Huệ Tổng Giám đốc: Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		116.983.335.743	39.438.683.539
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		146.152.432.688	116.948.506.449
03	Các khoản dự phòng		6.433.004.442	(78.922.829)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		132.163.488	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.791.857.333)	(4.289.185.435)
06	Chi phí lãi vay	28	41.109.240.410	44.982.781.731
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		301.018.319.438	197.001.863.455
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		215.242.897.498	(180.668.137.517)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(218.730.035.520)	164.491.162.691
11	Tăng các khoản phải trả		26.242.661.053	47.214.306.033
12	Giảm chi phí trả trước		(1.889.799.767)	(3.730.054.601)
14	Tiền lãi vay đã trả		(38.572.706.592)	(63.083.029.650)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.2	(13.457.834.884)	(17.361.354.443)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.596.550.000	4.731.186.483
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.160.177.245)	(8.402.071.286)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		264.289.873.981	140.193.871.165
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(160.156.665.646)	(250.583.102.427)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	21.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(71.242.315.014)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		116.546.884.743	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(127.258.303.160)	(36.200.000)
	<i>Trong đó: Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, trừ đi tiền thu về</i>		<i>(33.573.578.086)</i>	<i>-</i>
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		94.020.109.274	30.606.078.800
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia		12.627.449.348	4.047.344.673
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(135.462.840.455)	(215.944.878.954)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.335.427.145.252	1.169.418.537.570
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.441.162.873.630)	(1.067.802.693.395)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(10.132.725.976)	(50.509.700.861)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(115.868.454.354)	51.106.143.314
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.958.579.172	(24.644.864.475)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		31.413.136.915	56.058.001.390
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	44.371.716.087	31.413.136.915

Người lập
Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 826 (ngày 30 tháng 6 năm 2015: 804).

Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 98,01% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ, thu hoạch mía và sản xuất đường thường diễn ra trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 3. Theo đó, các chi phí sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 6 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	90%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	56,61%	56,61%	Huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh đường
6	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con trước đây bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Kể từ năm 2015 trở đi, kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 của năm tiếp theo để phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các Công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất trong năm nay được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính trước.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty và các công ty con trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính; và
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty và các công ty con trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty và các công ty con áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí tiền thuê đất; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 5 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là ba (3) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Mua tài sản

Công ty mua các công ty con sở hữu bất động sản hoặc các tài sản khác. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với bất động sản/tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cản trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng niên độ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.14 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 9 tháng 2 năm 2011. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.15 Nguồn kinh phí sự nghiệp

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON

4.1 Mua công ty con

4.1.1 Mua Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2016, Công ty đã mua 1.180.000 cổ phần (tương ứng 56,61% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 2603000500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006. Theo đó, Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống đã chính thức trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống tại ngày mua được Công ty xác định dựa trên ước tính tạm thời như được trình bày dưới đây do Công ty đang trong quá trình hoàn tất việc đánh giá và xác định giá trị hợp lý các khoản mục tài sản và nợ phải trả của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	986.421.914
Các khoản phải thu	114.424.420.984
Hàng tồn kho	34.909.435.488
Các tài sản ngắn hạn khác	6.824.262.461
Tài sản cố định hữu hình	45.914.372.323
Tài sản cố định vô hình	1.253.559.809
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.892.655.665
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.613.289.027
Tài sản dài hạn khác	516.322.933
	222.334.740.604
Nợ phải trả	
Vay và nợ thuê tài chính	(126.295.790.563)
Phải trả người bán ngắn hạn	(28.770.697.159)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(11.767.823.031)
Phải trả khác	(8.311.698.424)
	(175.146.009.177)
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	47.188.731.427
Cổ đông không kiểm soát	(20.474.711.525)
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	(754.019.902)
	25.960.000.000
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	25.960.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	986.421.914
Tiền chi để mua công ty con	(25.960.000.000)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	(24.973.578.086)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON
(tiếp theo)

4.1 Mua công ty con (tiếp theo)

4.1.2 Mua Công ty Cổ phần Thương mại Thành An

Vào ngày 8 tháng 6 năm 2016, Công ty đã mua 18.000 cổ phần (tương ứng 100% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Thương mại Thành An, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 2801078996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp vào ngày 22 tháng 11 năm 2007. Theo đó, Công ty Cổ phần Thương mại Thành An đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, công ty này đã hoàn thành thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá rằng việc mua công ty này là việc mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Theo đó, giá phí của giao dịch này được phân bổ cho các tài sản, nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản, nợ phải trả đó tại ngày mua.

4.2 Mua thêm cổ phần tại các công ty con hiện hữu

4.2.1 Mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước, công ty con hiện hữu

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty số 466/NQ/ĐLS-HĐQT ngày 25 tháng 7 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua lại:

- ▶ 900.000 cổ phần (tương đương 6,67% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước từ Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng, một công ty con khác của Công ty;
- ▶ 900.000 cổ phần (tương đương 6,67% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước từ Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, một công ty con khác của Công ty;
- ▶ 900.000 cổ phần (tương đương 6,67% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước từ Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn, một công ty con khác của Công ty;
- ▶ 300.000 cổ phần (tương đương 2,22% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước từ các cổ đông không kiểm soát.

Các giao dịch nêu trên được hoàn thành vào ngày 10 tháng 9 năm 2015 và theo đó, làm tăng tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước lên 100% kể từ ngày này.

Giá phí phải trả bằng tiền cho các giao dịch mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước nêu trên là 3.000.000.000 VND (trong đó giao dịch với các cổ đông khác là 300.000.000 VND). Phần chênh lệch giữa giá phí của khoản đầu tư thêm và phần sở hữu tăng thêm trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần trong Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước là 19.008.836 VND và được Công ty ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển đổi từ công ty cổ phần sang hình thức công ty TNHH Một thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON
(tiếp theo)

4.2 Mua thêm cổ phần tại các công ty con hiện hữu (tiếp theo)

4.2.2 Mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Nông Công Nghiệp Dịch Vụ Thương mại Vân Sơn, công ty con hiện hữu

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty số 466/NQ/ĐLS-HĐQT ngày 25 tháng 7 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua lại:

- ▶ 180.000 cổ phần (tương đương 15,79% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn từ Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, một công ty con khác của Công ty.
- ▶ 60.000 cổ phần (tương đương 5.26% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn từ Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn, một công ty con khác của Công ty.

Các giao dịch nêu trên được hoàn thành vào ngày 10 tháng 9 năm 2015 và theo đó, làm tăng tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty trong Công ty Cổ phần Nông Công Nghiệp Dịch Vụ Thương mại Vân Sơn lên 100% kể từ ngày này.

Các giao dịch này không làm thay đổi tổng tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn nên không làm phát sinh chênh lệch giữa giá phí của khoản đầu tư thêm và phần sở hữu tăng thêm trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần trong báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển đổi từ công ty cổ phần sang hình thức công ty TNHH Một thành viên.

4.3 Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, công ty con hiện hữu

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 155.000 cổ phần (tương đương 10% vốn cổ phần) tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, một công ty con của Công ty cho các cổ đông khác, và qua đó, làm giảm tỷ lệ lợi ích của Công ty tại công ty con này xuống còn 90% kể từ ngày này.

Giá phí chuyển nhượng nhận được bằng tiền cho giao dịch bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn nêu trên là 1.550.000.000 VND. Phần chênh lệch giữa giá phí chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần được chuyển nhượng là 39.432.793 VND được Công ty ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.4 Sáp nhập công ty con

Theo Nghị quyết số 838 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã sáp nhập Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn, một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, và điều chuyển toàn bộ tài sản và nợ phải trả của công ty này về Công ty.

Theo Quyết định số 497 QĐ/ĐLS-HĐQT ngày 11 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã ký biên bản thỏa thuận với Hiệp hội Mía đường Lam Sơn, một thành viên góp vốn khác tại Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh, và hoàn tất việc sáp nhập đơn vị này về Công ty trong kỳ. Công ty đã hoàn trả cho Hiệp hội Mía đường Lam Sơn số tiền tương ứng với tỷ lệ sở hữu của đơn vị này trong giá trị tài sản thuần của Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh tại ngày sáp nhập và thực hiện điều chuyển toàn bộ tài sản và nợ phải trả của đơn vị này về Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.385.810.007	833.238.006
Tiền gửi ngân hàng	30.442.572.780	18.579.898.909
Các khoản tương đương tiền (*)	12.543.333.300	12.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>44.371.716.087</u>	<u>31.413.136.915</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất từ 4,2% – 4,4%/năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.335.427.145.252	1.169.418.537.570
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.441.162.873.630)	(1.067.802.693.395)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	127.019.638.046	100.683.806.713
<i>Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam</i>	77.151.112.500	35.555.046.189
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn</i>	16.400.000.000	-
<i>Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh</i>	8.925.000.000	41.404.653.938
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	24.543.525.546	23.724.106.586
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	3.521.603.000	2.921.603.000
TỔNG CỘNG	130.541.241.046	103.605.409.713
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	(6.245.724.697)	(4.566.887.648)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	136.643.903.554	289.101.079.926
<i>Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp tác xã và hộ nông dân</i>	99.750.065.188	213.235.650.333
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	36.893.838.366	75.865.429.593
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	6.286.702.573	56.329.377.143
TỔNG CỘNG	142.930.606.127	345.430.457.069

6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.566.887.648	2.592.155.289
Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.950.589.839	-
Dự phòng trích lập trong năm	6.402.288.218	1.974.732.359
Số cuối năm	16.919.765.705	4.566.887.648
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6.1)</i>	(6.245.724.697)	(4.566.887.648)
<i>Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>	(10.275.741.008)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Ngắn hạn						
Cho vay hỗ trợ các hộ trồng mía	56.451.095.570	-	56.451.095.570	-	-	-
Dài hạn						
Cho vay hỗ trợ các hộ trồng mía	4.092.401.544	-	4.092.401.544	-	-	-
TỔNG CỘNG	60.543.497.114	-	60.543.497.114	-	-	-

Bao gồm các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo và có kỳ hạn từ dưới 1 năm đến 3 năm của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống, một công ty con của Công ty, cho các hộ nông dân vay không thu lãi hoặc thu lãi với mức lãi suất là 6%/năm để phục vụ việc trồng mía nguyên liệu. Các khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống và các hộ nông dân trồng mía.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.552.641.754	-	41.907.229.264	-
Các khoản cho vay không lãi suất quá hạn	8.504.060.306	(4.252.030.153)	8.504.060.306	-
Phải thu các hộ nông dân tiền đầu tư vụ mía (*)	6.173.554.936	(6.023.710.855)	-	-
Tạm ứng cho công nhân viên	1.067.602.995	-	2.590.132.805	-
Tiền chuyển nhượng cổ phần	-	-	1.162.860.000	-
Các khoản phải thu công nhân viên	298.484.104	-	498.722.813	-
Phải thu khác	1.694.995.998	-	1.868.478.630	-
TỔNG CỘNG	29.291.340.093	(10.275.741.008)	56.531.483.818	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	<i>20.787.279.787</i>		<i>48.027.423.512</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>8.504.060.306</i>		<i>8.504.060.306</i>	

(*) Bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn không chịu lãi suất và không có tài sản đảm bảo của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống cho các hộ nông dân vay để phục vụ việc trồng mía nguyên liệu. Các khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống và các hộ nông dân trồng mía.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	508.286.041.371	-	330.123.774.727	-
Nguyên liệu, vật liệu	99.885.187.662	(2.644.389.301)	100.073.282.105	(9.491.500)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.308.956.252	-	20.612.552.670	-
Công cụ, dụng cụ	1.513.774.196	(119.991.509)	1.276.148.671	-
Hàng hóa	75.864.957.503	-	2.481.443.210	-
Hàng gửi bán	149.062.948	-	-	-
TỔNG CỘNG	<u>711.007.979.932</u>	<u>(2.764.380.810)</u>	<u>454.567.201.383</u>	<u>(9.491.500)</u>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	9.491.500	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	40.207.724	2.063.146.688
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.724.173.086	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(9.491.500)	(2.053.655.188)
Số cuối năm	<u>2.764.380.810</u>	<u>9.491.500</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số đầu năm	465.768.513.980	1.885.004.726.543	73.193.757.055	22.753.007.327	533.390.000	2.447.253.394.905
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	79.199.610.567	197.478.344.739	7.211.696.635	1.162.580.609	-	285.052.232.550
- Mua trong năm	58.197.286	5.305.889.561	943.490.909	487.978.470	-	6.795.556.226
- Đầu tư XDCB hoàn thành	143.678.267.020	97.233.031.718	-	-	-	240.911.298.738
- Thanh lý, nhượng bán	-	(424.024.827)	(323.333.333)	-	-	(747.358.160)
Số cuối năm	688.704.588.853	2.184.597.967.734	81.025.611.266	24.403.566.406	533.390.000	2.979.265.124.259
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>210.445.247.707</i>	<i>551.698.035.581</i>	<i>43.211.082.973</i>	<i>18.480.396.962</i>	-	<i>823.834.763.223</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	214.249.054.340	887.962.150.827	59.513.299.731	20.770.698.931	174.397.413	1.182.669.601.242
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	42.989.371.213	190.004.573.166	5.208.715.031	935.200.817	-	239.137.860.227
- Khấu hao trong năm	24.240.242.497	120.223.133.282	4.059.321.273	707.389.460	50.369.400	149.280.455.912
- Thanh lý, nhượng bán	-	(338.595.531)	(323.333.333)	-	-	(661.928.864)
Số cuối năm	281.478.668.050	1.197.851.261.744	68.458.002.702	22.413.289.208	224.766.813	1.570.425.988.517
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	251.519.459.640	997.042.575.716	13.680.457.324	1.982.308.396	358.992.587	1.264.583.793.663
Số cuối năm	407.225.920.803	986.746.705.990	12.567.608.564	1.990.277.198	308.623.187	1.408.839.135.742

(*) Công ty đã sử dụng một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy Đường số 2 và của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 19.1. Ngoài ra, Công ty cũng đã sử dụng toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị của Trung tâm Công nghệ cao làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thanh Hóa như được trình bày tại Thuyết minh số 19.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	4.817.702.014	5.472.286.063	9.187.279.718	19.477.267.795
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	893.954.178	900.340.700	1.794.294.878
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	12.411.918.917	-	12.411.918.917
Số cuối năm	4.817.702.014	18.778.159.158	10.087.620.418	33.683.481.590
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	-	363.340.700	363.340.700
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	326.968.551	8.184.262.984	8.511.231.535
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	3.799.998	607.518.396	611.318.394
- Hao mòn trong năm	-	283.154.494	614.882.719	898.037.213
Số cuối năm	-	613.923.043	9.406.664.099	10.020.587.142
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	4.817.702.014	5.145.317.512	1.003.016.734	10.966.036.260
Số cuối năm	4.817.702.014	18.164.236.115	680.956.319	23.662.894.448

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án văn phòng làm việc, nhà ở (*)	21.084.077.986	21.733.914.349
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	37.958.246.150	30.161.090.391
Dự án nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn - Bá Thước	-	36.661.815.702
Dự án Công viên sinh thái Thanh Tam	5.373.410.359	-
Các dự án khác	8.175.073.536	8.406.629.051
TỔNG CỘNG	72.590.808.031	96.963.449.493

(*) Dự án văn phòng làm việc, nhà ở chủ yếu bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của dự án văn phòng làm việc khu Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội được Công ty đầu tư từ năm 2012. Công ty hiện đang tạm dừng việc triển khai dự án này trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	18.538.401.588	19.610.983.506
Đầu tư dài hạn khác	13.2	15.251.145.800	15.490.700.000
TỔNG CỘNG		33.789.547.388	35.101.683.506

13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số cổ phần</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	46,31%	55.562	46,31%	55.562
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	32,00%	1.600.000	32,00%	1.600.000

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa</i>	<i>Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển</i>	<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	3.853.750.867	-	15.757.232.639	19.610.983.506
Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm	(719.183.626)	-	(353.398.292)	(1.072.581.918)
Số cuối năm	3.134.567.241	-	15.403.834.347	18.538.401.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

(i) Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2800115518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 3 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại số 25A đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là kinh doanh dịch vụ khách sạn, kinh doanh dịch vụ quản lý nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh và kinh doanh nhà kho, bến bãi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty nắm 46,31% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(ii) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty nắm 32% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)		15.251.145.800	-	15.251.145.800		15.490.700.000	-	15.490.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	-	-	-	-	231.420	2.314.200.000	-	2.314.200.000
Công ty Cổ phần MB Land	-	-	-	-	90.000	900.000.000	-	900.000.000
TỔNG CỘNG		15.251.145.800	-	15.251.145.800		15.490.700.000	-	15.490.700.000

(*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí kiểm tra, bảo trì, sửa chữa	-	9.697.414.940
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	450.525.258
Công cụ, dụng cụ	-	189.308.167
Chi phí chờ phân bổ tại Trung tâm Công nghệ cao	93.064.743	106.315.864
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.287.793.607	2.514.732.162
	1.380.858.350	12.958.296.391
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	35.474.138.945	24.872.022.187
Dự án tưới nước nhỏ giọt	3.237.165.219	3.668.787.243
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.754.613.076	458.195.034
Chi phí Dự án trồng mía giống tại Trung tâm Công nghệ cao	3.000.664.011	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.079.220.105	4.350.795.554
	50.545.801.356	33.349.800.018
TỔNG CỘNG	51.926.659.706	46.308.096.409

15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn cho người bán	44.961.265.537	44.961.265.537	33.317.573.822	33.317.573.822
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Thanh Hóa</i>	-	-	3.545.730.976	3.545.730.976
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	44.961.265.537	44.961.265.537	29.771.842.846	29.771.842.846
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	10.705.957.070	10.705.957.070	-	-
TỔNG CỘNG	55.667.222.607	55.667.222.607	33.317.573.822	33.317.573.822

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	27.829.620.612	8.987.931.340
<i>Công ty Đầu tư Phát triển Lam Kinh</i>	13.284.404.250	-
<i>Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toàn Lộc</i>	-	6.246.540.000
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ Thăng Long</i>	-	1.140.490.000
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	14.545.216.362	1.600.901.340
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 33)	88.393.070.000	-
TỔNG CỘNG	116.222.690.612	8.987.931.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	2.948.311.459	26.198.386.010	(27.061.956.544)	2.084.740.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 32.2</i>)	3.387.408.161	15.396.032.101	(13.457.834.884)	5.325.605.378
Thuế thu nhập cá nhân	30.474.846	281.014.810	(225.044.321)	86.445.335
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	304.014.983	965.770.510	(900.680.203)	369.105.290
TỔNG CỘNG	6.670.209.449	42.841.203.431	(41.645.515.952)	7.865.896.928

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng Trung tâm công nghệ cao	6.136.942.545	22.056.496.818
Chi phí hỗ trợ vùng nguyên liệu	4.156.530.272	3.625.464.176
Chi phí lãi vay ngắn hạn	3.770.404.576	1.203.056.258
Chi phí khuyến mại cho khách hàng	2.878.975.000	1.091.730.428
Chi phí hỗ trợ quỹ khuyến học vùng nguyên liệu mía	763.984.339	736.570.272
Chi phí vận chuyển	-	1.268.435.455
Các khoản khác	4.991.017.711	2.911.327.345
TỔNG CỘNG	22.697.854.443	32.893.080.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	495.048.674	1.104.888.380
Kinh phí công đoàn	1.746.746.403	1.829.917.879
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.329.061.412	1.521.235.618
Phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận (*)	-	7.720.591.150
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động (*)	-	850.000.000
Tiền lãi trái phiếu phải trả	-	367.139.800
Cổ tức phải trả	-	60.297.868
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.527.395.653	4.276.407.852
	11.098.252.142	17.730.478.547
Dài hạn		
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch về lợi nhuận (*)	7.720.591.150	-
Phải trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng (*)	1.100.000.000	-
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.240.264.833	-
	10.060.855.983	-
TỔNG CỘNG	21.159.108.125	17.730.478.547

(*) Trong năm, Công ty đã phân loại các khoản phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận và bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động từ khoản mục phải trả ngắn hạn khác sang khoản mục phải trả dài hạn khác do các khoản mục này không phải thanh toán trong ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	731.123.709.294	731.123.709.294	1.337.587.935.815	(1.425.237.873.630)	643.473.771.479	643.473.771.479
Vay đối tượng khác (*)	980.000.000	980.000.000	-	-	980.000.000	980.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	-	-	68.590.000.000	(25.370.000.000)	43.220.000.000	43.220.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả đối tượng khác (**)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
	734.103.709.294	734.103.709.294	1.406.177.935.815	(1.450.607.873.630)	689.673.771.479	689.673.771.479
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	-	-	127.100.000.000	(62.110.000.000)	64.990.000.000	64.990.000.000
	-	-	127.100.000.000	(62.110.000.000)	64.990.000.000	64.990.000.000
TỔNG CỘNG	734.103.709.294	734.103.709.294	1.533.277.935.815	(1.512.717.873.630)	754.663.771.479	754.663.771.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	430.719.115.706	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 10 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 15 tháng 2 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5% - 7,5%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sầm Sơn	50.446.609.822	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 12 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	4,5% - 5,5%	Một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thanh Hóa	51.035.510.645	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 7 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5%	Một phần dây chuyền, máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam - Chi nhánh Thanh Hóa	48.892.687.869	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 7 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5%	Một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt nam - Chi nhánh Thanh Hóa	36.379.847.437	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 3 tháng 8 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	5,4%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	25.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 4 tháng 7 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	6,5%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thanh Hóa	1.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 8 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	5,4%	Tín chấp
	643.473.771.479			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay từ đối tượng khác

(*) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Quỹ khuyến học của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn căn cứ theo hợp đồng vay ngày 17 tháng 10 năm 2013 và hợp đồng vay ngày 4 tháng 11 năm 2014 với số tiền tương ứng là 800 triệu VND và 180 triệu VND. Các khoản vay này chịu lãi suất 6,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 9 năm 2016. Lãi vay được trả tại ngày đáo hạn của khoản vay.

(**) Đây là khoản vay dài hạn từ Công đoàn Công ty theo Hợp đồng số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2014 (thay thế cho hợp đồng cũ số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 12 năm 2011). Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2017 và có lãi suất là 7,5%/năm. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.

19.3 Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thanh Hóa	94.610.000.000	Gốc vay được thanh toán trong vòng 12 quý, với kỳ đầu tiên vào ngày 28 tháng 1 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu là 7,7%/năm. Từ tháng thứ 7, lãi vay được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng.	Toàn bộ máy móc thiết bị nhà xưởng thuộc dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn và hệ thống tuabin thuộc Nhà máy đường số 2.
<i>Trong đó</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>37.780.000.000</i>			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	13.600.000.000	Gốc vay được thanh toán trong vòng 24 kỳ bán niên, với kỳ đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2007. Lãi vay trả hàng tháng.	5,4%	Tín chấp
<i>Trong đó</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>5.440.000.000</i>			
	108.210.000.000			
<i>Trong đó</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>43.220.000.000</i>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	71.594.003.428	71.130.016.794
Trích lập quỹ trong năm	2.308.254.240	5.416.236.364
Tăng do hợp nhất kinh doanh	593.858.569	-
Điều chuyển sang nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	(42.164.074.443)	-
Giảm khác	(1.704.349.339)	-
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(6.256.286.764)</u>	<u>(4.952.249.730)</u>
Số cuối năm	<u>24.371.405.691</u>	<u>71.594.003.428</u>

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	54.845.221.078	55.383.687.767
Trích lập quỹ trong năm	6.000.000.000	-
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(2.883.056.613)</u>	<u>(538.466.689)</u>
Số cuối năm	<u>57.962.164.465</u>	<u>54.845.221.078</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</i>	<i>16.206.992.705</i>	<i>11.949.411.078</i>
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ</i>	<i>41.755.171.760</i>	<i>42.895.810.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	500.000.000.000	180.276.411.784	503.247.593.760	64.842.089.541	-	24.874.077.167	1.273.240.172.252
- Tăng vốn	200.000.000.000	-	-	-	-	-	200.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	33.643.779.047	33.643.779.047
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	(3.025.246.665)	(3.025.246.665)
- Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	4.201.305.174	498.483.224	-	(5.112.412.984)	(412.624.586)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(22.500.000.000)	(22.500.000.000)
- Trích lập và điều chuyển quỹ	-	-	7.493.153.861	(13.464.430)	133.182.845	(7.612.872.276)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.416.236.364)	(5.416.236.364)
- Tặng, giảm khác	-	(100.000.000)	625.992.263	-	-	1.435.929.872	1.961.922.135
- Điều chuyển quỹ theo Thông tư 200	-	-	65.327.108.335	(65.327.108.335)	-	-	-
Số cuối năm	700.000.000.000	180.176.411.784	580.895.153.393	-	133.182.845	16.287.017.797	1.477.491.765.819
Năm nay							
Số đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	580.895.153.393	-	133.182.845	16.287.017.797	1.477.491.765.819
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	98.383.217.594	98.383.217.594
- Tăng (giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	(1.120.718.772)	-	-	1.141.142.729	20.423.957
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.746.774.021	-	-	(1.746.774.021)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.308.254.240)	(2.308.254.240)
- Hoàn nhập lợi nhuận chưa phân phối (**)	-	-	(13.494.612.059)	-	-	13.494.612.059	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	538.903.896	538.903.896
Số cuối năm	700.000.000.000	180.176.411.784	568.026.596.583	-	133.182.845	115.289.865.814	1.563.626.057.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Công ty đã thực hiện chia cổ tức còn lại của năm 2014 theo Nghị quyết số 554 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 1 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.
- (**) Đây là một phần giá trị của quỹ dự phòng tài chính được điều chuyển về Quỹ Đầu tư phát triển theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC và sau đó được chuyển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết số 532 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784	-	180.276.411.784	180.276.411.784	-
TỔNG CỘNG	880.176.411.784	880.176.411.784	-	880.276.411.784	880.276.411.784	-

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	700.000.000.000	500.000.000.000
Tăng vốn trong năm	-	200.000.000.000
Số cuối năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>700.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.132.725.976	50.509.700.861

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015: 10.000 VND).

22.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.5 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

Năm nay Năm trước

Cổ tức đã chia từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm

Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông

Cổ tức cho năm 2014 10.500.000.000 22.500.000.000

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả (*)

42.000.000.000 -

(*) Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty số 808 NQ/2015/ĐLS-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 với số tiền là 600 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 357 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2016.

23. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Đơn vị tính: VND

Năm nay Năm trước

Số đầu năm 427.362.774 11.653.342.814

Tăng do mua công ty con (Thuyết minh số 4.1) 20.474.711.525 -

Bán cổ phần trong năm 1.550.000.000 -

Mua cổ phần trong năm (300.000.000) -

Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu (20.423.957) -

Lợi nhuận/(lỗ) thuộc về cổ đông không kiểm soát trong năm 3.617.501.014 (5.082.432.974)

Các điều chỉnh giảm khác (135.012.535) (6.143.547.066)

Số cuối năm 25.614.138.821 427.362.774

24. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

24.1 Nguồn kinh phí

Đơn vị tính: VND

Năm nay Năm trước

Số đầu năm 549.973.593 715.699.193

Nguồn kinh phí được cấp trong năm 4.596.550.000 39.674.400

Chi sự nghiệp (1.237.188.000) (205.400.000)

Số cuối năm 3.909.335.593 549.973.593

24.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Đơn vị tính: VND

Năm nay Năm trước

Số đầu năm 83.334.664 83.334.664

Tài sản điều chuyển nguồn từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 20) 42.164.074.443 -

Sử dụng trong năm (2.092.605.627) -

Giảm khác (83.334.664) -

Số cuối năm 40.071.468.816 83.334.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND) (*)	29.167.000.000	19.459.985.000
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.594.806.581	1.594.806.581
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.157	894
- Euro (EUR)	105	105

(*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là giá trị của 2.040,5 tấn đường được Công ty xuất bán cho khách hàng và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.010.303.955.884	1.637.747.887.516
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.603.324.473.555	1.537.584.462.032
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	366.927.841.723	84.399.295.238
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	40.051.640.606	15.764.130.246
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.059.758.649
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	1.059.758.649
Doanh thu thuần	2.010.303.955.884	1.636.688.128.867
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.603.324.473.555	1.536.524.703.384
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	366.927.841.723	84.399.295.238
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	40.051.640.606	15.764.130.245
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	215.097.076.186	-
<i>Doanh thu bán hàng cho các bên khác</i>	1.795.206.879.698	1.636.688.128.867

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.292.885.000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.334.564.348	4.047.344.673
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	396.005.304	113.093.838
Lãi bán hàng trả chậm	215.091.500	97.037.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	496.174.451	77.869.504
TỔNG CỘNG	13.734.720.603	4.335.345.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.337.216.640.962	1.373.018.133.738
Giá vốn của hàng hóa đã bán	357.949.494.221	82.489.009.553
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	38.833.970.508	10.719.061.321
TỔNG CỘNG	<u>1.734.000.105.691</u>	<u>1.466.226.204.612</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	41.109.240.410	44.982.781.731
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.517.030.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	786.783.106	197.821.643
Chi phí tài chính khác	-	716.003.950
TỔNG CỘNG	<u>44.413.053.516</u>	<u>45.896.607.324</u>

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	49.329.064.504	39.421.328.818
Chi phí nhân công	8.281.857.072	9.785.196.802
Chi phí vận chuyển	25.235.251.377	19.805.375.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.585.355.159	5.264.178.680
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.133.202.641	1.293.757.604
Chi phí bán hàng khác	5.093.398.255	3.272.820.033
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	72.086.476.755	48.656.599.820
Chi phí nhân công	24.225.740.383	19.911.947.972
Trích lập quỹ Khoa học Công nghệ	6.000.000.000	781.294.910
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	7.195.849.282	6.577.066.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.336.458.433	8.355.016.854
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.328.428.657	13.031.273.541
TỔNG CỘNG	<u>121.415.541.259</u>	<u>88.077.928.638</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	2.255.390.844	6.023.293.092
Thu nhập từ hoạt động bán sắt, thép, phế liệu	1.027.380.000	-
Xử lý công nợ tồn đọng lâu ngày	-	1.755.711.518
Thu nhập từ bán chứng chỉ giảm phát thải CER	-	3.827.434.514
Lãi từ giao dịch mua rẻ (<i>Thuyết minh số 4.1.1</i>)	754.019.902	-
Thu nhập khác	473.990.942	440.147.060
Chi phí khác	8.409.449.204	7.649.184.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng sản xuất	6.848.868.234	5.284.284.329
Chi phí phạt và truy thu thuế	1.338.767.591	216.548.318
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và vật tư tiêu hủy	-	1.331.937.261
Chi phí tư vấn dự án cơ chế phát triển sạch CDM	-	394.807.899
Chi phí khác	221.813.379	421.606.316
LỖ THUẦN KHÁC	<u>(6.154.058.360)</u>	<u>(1.625.891.031)</u>

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.279.599.090.489	1.182.608.974.917
Chi phí nhân công	83.593.484.042	63.565.207.137
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	141.325.586.756	112.868.963.582
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.379.294.584	87.031.405.886
Chi phí khác	31.427.367.084	27.036.788.283
TỔNG CỘNG	<u>1.680.324.822.955</u>	<u>1.473.111.339.805</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty và các công ty con là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 20% trên tổng thu nhập chịu thuế cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, ngoại trừ các đơn vị dưới đây:

- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cho kỳ/năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi;
- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa và 17% đối với các thu nhập từ các hoạt động khác tại địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;
- ▶ Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn, nay là Xí nghiệp Cơ giới trực thuộc Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.592.947.996	10.932.521.469
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	<u>389.669.139</u>	<u>(55.184.003)</u>
TỔNG CỘNG	<u>14.982.617.135</u>	<u>10.877.337.466</u>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận thuần trước thuế	116.983.335.743	39.438.683.539
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản phạt	1.338.767.591	216.548.318
Khấu hao vượt mức quy định	334.922.510	374.422.511
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất (nhà máy cồn và nhà máy đường số 1)	6.848.868.234	5.284.284.329
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	500.900.000	519.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	182.081.212
Các khoản tăng khác	542.000.000	279.876.336
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9.292.885.000)	-
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, ghi nhận phần lỗ trong công ty liên kết	(3.560.236.844)	(1.933.904.320)
Thu nhập từ bán chứng chỉ giảm phát thải CER	-	(3.432.626.615)
Các khoản giảm khác	(716.054.703)	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	112.979.617.531	40.928.365.310
Lỗ năm trước chuyển sang	(5.874.866.513)	(2.310.844.566)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	107.104.751.018	38.617.520.744
Thu nhập chịu thuế suất 22%	163.283.877	50.829.802.127
Thu nhập chịu thuế suất 20%	786.388.338	-
Thu nhập chịu thuế suất 17%	926.355.198	-
Thu nhập chịu thuế suất 15%	102.025.893.020	-
Thu nhập chịu thuế suất 10%	5.727.969.444	-
Lỗ của các công ty con (*)	(2.525.138.859)	(12.212.281.383)
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	16.227.361.402	11.182.556.469
Điều chỉnh giảm thuế TNDN năm trước	(1.634.413.406)	(250.035.000)
Giảm thuế TNDN phải nộp từ hợp nhất kinh doanh	(2.552.679.510)	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.387.408.161	9.420.698.287
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp theo biên bản của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa	1.533.361.433	395.542.848
Thuế TNDN đã trả trong năm	(13.457.834.884)	(17.361.354.443)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	3.503.203.196	3.387.408.161
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải nộp cuối năm (Thuyết minh số 16)	5.325.605.378	3.387.408.161
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(1.822.402.182)	-

(*) Công ty và các công ty con không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được căn trừ khi hợp nhất	-	389.669.139	389.669.139	-
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	5.613.289.027	-		
	5.613.289.027	389.669.139		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Các khoản chênh lệch phát sinh	-	-	-	(55.184.003)
	-	-		
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			389.669.139	(55.184.003)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Mía đường I	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Bán đường	23.353.904.761	-
		Phí gia công đường	9.682.860.000	-
		Mua đường thô	89.606.030.303	-
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Nhận chuyển nhượng cổ phần	16.725.503.674	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	51.181.928.773	100.894.774.021
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Bán đường	191.743.171.425	-
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Mua nguyên vật liệu	19.433.800.087	14.971.405.440

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 5.712.831.653 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2015: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Phải thu tiền mua nguyên vật liệu	600.000.000	-
			3.521.603.000	2.921.603.000
Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 6.2)				
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Tạm ứng tiền sản xuất	5.404.702.573	14.971.405.440
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mía	-	40.475.971.703
			6.286.702.573	56.329.377.143
Phải thu khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
			8.504.060.306	8.504.060.306
Phải trả người bán (Thuyết minh số 15.1)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Phải trả tiền mua hàng hóa	10.705.957.070	-
			10.705.957.070	-
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 15.2)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Trả trước tiền mua đường	79.214.670.000	-
Tổng Công ty Mía đường I	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Trả trước tiền mua đường	9.178.400.000	-
			88.393.070.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	3.656.904.299	4.038.117.706
TỔNG CỘNG	3.656.904.299	4.038.117.706

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	98.383.217.594	33.643.779.047
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(2.034.922.583)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	98.383.217.594	31.608.856.464
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	70.000.000	64.410.959
<i>Ảnh hưởng của việc phát hành trái phiếu chuyển đổi</i>		
Số lượng trái phiếu chuyển đổi	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông	70.000.000	64.410.959
Lãi trên cổ phiếu		
- <i>Lãi cơ bản</i>	1.405	491
- <i>Lãi suy giảm</i>	1.405	491

(*) Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa có kế hoạch phân chia quỹ khen thưởng phúc lợi.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 98,01% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

36. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG




Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty và các công ty con có cam kết khoảng 19,3 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Như được trình bày tại Thuyết minh số 22.5, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 357 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2016 phê duyệt việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 với số tiền là 600 VND/cổ phiếu. Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục cần thiết để thực hiện chi trả cổ tức đợt 1 này.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

		
_____ Người lập Đỗ Thị Thanh Hà	_____ Kế toán trưởng Lê Thị Huệ	_____ Tổng Giám đốc Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016